

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÀO CAI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2014/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 17 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**Về danh mục dự án phải thu hồi đất để sử dụng vào mục đích
phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng
năm 2015 trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-CP ngày 30/5/2013 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) tỉnh Lào Cai;

Sau khi xem xét Tờ trình số 143/TTr-UBND ngày 03/12/2014 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 93/BC-HĐND ngày 09/12/2014 của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh dự kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục các dự án phải thu hồi đất để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng năm 2015 trên địa bàn tỉnh Lào Cai với các nội dung sau:

1. Tổng số dự án phải thu hồi đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của các huyện, thành phố: 449 dự án.

2. Tổng diện tích đất phải thu hồi, chuyển mục đích: 2.260,55 ha.

Trong đó:

- Diện tích đất trồng lúa: **157,60 ha;**

- Diện tích đất rừng phòng hộ: **174,38 ha;**
- Diện tích đất rừng đặc dụng: **12,23 ha;**
- Diện tích các loại đất khác còn lại: **1.916,34 ha.**

3. Phân loại dự án theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai:

3.1. Dự án xây dựng trụ sở cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội; Công trình di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp cấp địa phương: **85 dự án.**

3.2. Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm: Giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị, thu gom xử lý chất thải: **228 dự án** (dự án đường nối Sa Pa với đường cao tốc Nội Bài- Lào Cai tổng hợp cho cả huyện Sa Pa, Bát Xát và thành phố Lào Cai).

3.3. Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà công vụ, xây dựng công trình tôn giáo, khu văn hoá, vui chơi giải trí phục vụ công cộng, chợ, nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: **92 dự án.**

3.4. Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới, cụm công nghiệp, khu sản xuất, chế biến nông lâm sản, thủy sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: **30 dự án.**

3.5. Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép; dự án khác có liên quan đến đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ: **14 dự án.**

(Có biểu tổng hợp toàn tỉnh và chi tiết đến các huyện, thành phố kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

- UBND tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết.
- Thường trực HĐND, các Ban HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Trong trường hợp cần thiết điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh có văn bản trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Nghị quyết này đã được kỳ họp thứ 12, HĐND tỉnh Lào Cai khóa XIV thông qua ngày 17/12/2014 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Văn Cường

**TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT THEO QUY ĐỊNH TẠI
KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI- TỈNH LÀO CAI NĂM 2015**

(Kèm theo Nghị quyết số: 35/2014/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Địa điểm thực hiện	Tổng số công trình, dự án	Tổng diện tích	Sử dụng từ các loại đất				Ghi chú
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC chính trị XH; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	85	59,12	1,88	0,00	0,00	57,24	
1	Thành phố Lào Cai	5	2,62	0,11			2,51	
2	Huyện Văn Bàn	11	3,37	0,35			3,02	
3	Huyện Bảo Thắng	7	1,18	0,61			0,57	
4	Huyện Bảo Yên	19	9,63	0,59			9,03	
5	Huyện Si Ma Cai	7	1,51	0,10			1,41	
6	Huyện Bắc Hà	5	0,71	0,05			0,66	
7	Huyện Mường Khương	6	0,50				0,50	
8	Huyện Bát Xát	8	6,50				6,50	
9	Huyện Sa Pa	17	33,10	0,06			33,04	
II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	228	793,38	75,50	56,35	11,77	649,76	
1	Thành phố Lào Cai	27	121,33	5,16			116,16	
2	Huyện Văn Bàn	17	8,51	2,16	0,94	0,84	4,57	
3	Huyện Bảo Thắng	33	69,21	3,66	0,05		65,50	
4	Huyện Bảo Yên	35	72,73	6,05	4,31		62,37	
5	Huyện Si Ma Cai	11	98,22	4,05	1,49		92,69	

6	Huyện Bắc Hà	26	125,88	17,65	7,20		101,04	
7	Huyện Mường Khương	13	14,06	1,45	1,40		11,21	
8	Huyện Bát Xát	44	152,56	11,95	33,70		106,91	
9	Huyện Sa Pa	22	130,89	23,37	7,27	10,93	89,32	
III	Dự án XD công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	92	301,12	17,28	47,50		236,34	
1	Thành phố Lào Cai	5	12,05	0,47			11,58	
2	Huyện Văn Bàn	1	1,15	0,25			0,90	
3	Huyện Bảo Thắng	10	44,13	0,37			43,76	
4	Huyện Bảo Yên	15	10,89	2,02	0,50		8,37	
5	Huyện Si Ma Cai	7	7,45	2,00			5,45	
6	Huyện Bắc Hà	4	39,40	4,76	5,00		29,64	
7	Huyện Mường Khương	19	44,92				44,92	
8	Huyện Bát Xát	27	107,95	0,97	41,50		65,48	
9	Huyện Sa Pa	4	33,18	6,44	0,50		26,24	
IV	Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	30	464,61	40,28	56,33	0,46	367,54	
1	Thành phố Lào Cai	10	240,14	17,82	44,61		177,71	
2	Huyện Văn Bàn							
3	Huyện Bảo Thắng	7	168,35	22,34	11,60		134,41	
4	Huyện Bảo Yên	6	15,62				15,62	
5	Huyện Si Ma Cai		0,00					

6	Huyện Bắc Hà	1	9,50					9,50		
7	Huyện Mường Khương	1	8,50					8,50		
8	Huyện Bát Xát	3	16,50					16,50		
9	Huyện Sa Pa	2	6,00	0,12	0,12		0,46	5,30		
V	Dự án khai thác KS được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật DD)	14	642,32	22,66	14,20			605,46		
1	Thành phố Lào Cai	1	28,20					28,20		
2	Huyện Văn Bàn	4	168,32	6,50				161,82		
3	Huyện Bảo Thắng	2	25,04	3,99	7,80			13,25		
4	Huyện Bảo Yên	1	64,00		0,90			63,10		
5	Huyện Si Ma Cai									
6	Huyện Bắc Hà	1	6,00		5,50			0,50		
7	Huyện Mường Khương									
8	Huyện Bát Xát	5	350,76	12,17				338,59		
9	Huyện Sa Pa									
Tổng cộng		449	2.260,55	157,60	174,38	12,23		1.916,34		

**CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT THEO QUY ĐỊNH TẠI
KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI - THÀNH PHỐ LÀO CAI NĂM 2015**

(Kèm theo Nghị quyết số: 35/2014/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

STT	Danh mục các công trình, dự án	Địa điểm	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất trồng lúa	Đất rừng Phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị XH; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	05 dự án	2,62	0,11			2,51		
1	Mở rộng trường TH Nguyễn Du	P. Kim Tân	0,06				0,06	NS thành phố	Quyết định số 3202/QĐ-UBND ngày 26/8/2014 của UBND tỉnh LC v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết Trung tâm xã Tả Phời
2	Trường mầm non xã Cam Đường (Làng Thác)	X. Cam Đường	0,30				0,30	Theo CT Cao tốc NB-LC	
3	Phân hiệu trường mầm non Hèo (thôn Trạm Thái)	X. Tả Phời	0,65				0,65	NS thành phố	
4	Mở rộng trường mầm non thôn Pèng 2	X. Hốp Thành	0,11	0,11				NS tỉnh + T. phó	Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 27/3/2014 của UBND tỉnh LC v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết Trung tâm xã Hốp Thành giai đoạn 2014-2020
5	Mở rộng trường tiểu học và THCS số 1 xã Tả Phời	X. Tả Phời	1,50				1,50	NS tỉnh	
II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	27 dự án	121,33	5,16			116,16		

1	Đường D1 kéo dài	P. Kim Tân	1,80					1,80	Vốn NS tỉnh	
2	Đường nối từ Ngã 6 đến đường Hoàng Liên	P. Kim Tân	1,40					1,40	Vốn NS tỉnh	
3	Đường trục TN7 (từ 4E đến giáp địa phận xã Cam Đường)	P. Thống Nhất	1,70	0,50				1,20	Vốn NS tỉnh	
4	Kè suối Ngòi Đum	P. Kim Tân	1,50					1,50	Vốn NS tỉnh	
5	Đường hồ số 1	P. Kim Tân	0,40					0,40	Vốn NS tỉnh	
6	Đường nối đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến Sa Pa (Phần mở rộng QL 4D đoạn đi qua Thanh phố Lào Cai)	P. Kim Tân, X. Đồng Tuyển	4,40	0,20				4,20	Vốn DN+NS	
7	Mở rộng đường từ thôn Phán Lân - Cóc	X. Tả Phời	0,90					0,90	Vốn NS tỉnh	Quyết định số 3202/QĐ-UBND ngày 26/8/2014 của UBND tỉnh LC v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết Trung tâm xã Tả Phời
8	Kè sông Nậm Thi (Tổ 10)	P. Lào Cai	0,25					0,25	Vốn NS tỉnh	
9	Kè sông Hồng (từ cầu Phố Mới đến Cầu Vạn Hòa)	X Vạn Hòa, Phố Mới	28,00					28,00	Vốn vay	Văn bản số: 342/TB-VPCP ngày 26/8/2014 của Văn phòng chính phủ v/v Thông báo kết luận của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Lào Cai; Văn bản số: 7562/BKHĐT-KTTN ngày 22/10/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư v/v Thẩm định nguồn vốn và phần vốn NSTW;
10	Giảm cường độ phát thải lưới điện phân phối khu vực miền bắc – vay vốn ngân hàng tái thiết đứcc kfw		0,10					0,10	Vay vốn ngân hàng tái thiết đứcc kfw	
11	Mở rộng và cải tạo lưới điện cho các xã vùng sâu, vùng xa tại tỉnh Lào Cai, vay vốn ADB – Vốn dự cầu phần 1		0,13					0,13	vay vốn ADB – Vốn dự cầu phần 1	
12	Chống quá tải, nâng công suất các TBA khu vực thị trấn Bát Xát và Thành phố Lào Cai	Thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát và Thành phố Lào Cai	0,01	0,003				0,006	vốn doanh nghiệp	
13	Cải tạo, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện 22 kV khu vực thành phố Lào Cai	Phường Kim Tân, Phố Mới và xã Vạn Hòa	0,01					0,01	vốn doanh nghiệp	

14	Đường trục (liên thôn)	X. Hợp Thành	0,22	0,11			0,11	NS thành phố	Quyết định số: 2554/QĐ-UBND ngày 05/12/2011 của UBND thành phố Lào Cai v/v phê duyệt Quy hoạch Nông thôn mới xã Hợp Thành
15	Hệ thống tưới tiêu	X. Cam Đường	0,75	0,75				NS thành phố	Quyết định số: 2553/QĐ-UBND ngày 05/12/2011 của UBND thành phố Lào Cai v/v phê duyệt Quy hoạch Nông thôn mới xã Cam Đường
16	Kênh thoát lũ Tổ 3, 4, 5, 6 phường Thống Nhất, thành phố Lào Cai	P. Thống Nhất	0,11				0,11	NS tỉnh	
17	Hạ tầng khu dân cư đường Đinh Bộ Lĩnh	X. Vạn Hòa	2,85				2,85	Vay quỹ PT đất + vốn khác (QĐ 3007/QĐ-UBND tỉnh LC)	
18	Đường nhánh XT20 (đoạn từ XT10 đến XT14), phường Xuân Tăng, thành phố Lào Cai	P. Xuân Tăng	2,36				2,36	Vốn vay + thu tiền từ sử dụng đất + vốn khác	
19	Đường nhánh XT25 (đoạn từ XT10 đến XT14), phường Xuân Tăng, thành phố Lào Cai	P. Xuân Tăng	1,83				1,83	Vốn vay + thu tiền từ sử dụng đất + vốn khác	
20	Đường TN1 và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư hai bên đường, phường Thống Nhất, thành phố Lào Cai	P. Thống Nhất	5,66				5,66	Vốn vay + thu tiền từ sử dụng đất + vốn khác	
21	Đường TN2 và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư hai bên đường, phường Thống Nhất, thành phố Lào Cai	P. Thống Nhất	20,66				20,66	Vốn vay + thu tiền từ sử dụng đất + vốn khác	
22	Đường nhánh TN5 và mặt bằng dân cư hai bên đường, phường Thống Nhất, thành phố Lào Cai	P. Thống nhất	3,89				3,89	Vốn ngân sách + vốn khác	
23	Đường nhánh XT17 và mặt bằng dân cư hai bên đường, phường Xuân Tăng, thành phố Lào Cai	P. Xuân Tăng	3,69	1,20			2,49	Vốn vay quỹ phát triển đất + Vốn Ngân sách + vốn khác	

24	Đường B6 kéo dài (đoạn từ B7 đến B10) khu đô thị mới Lào Cai, Cam Đường, hạng mục mặt đường hai bên mặt cắt đường nhánh	phường Bắc Lệnh	7,00					7	Vốn ngân sách tập trung + Thu từ sử dụng đất + Vốn vay + Vốn khác
25	Nâng cấp mở rộng đường từ xã Cam Đường vào Trung tâm xã Hợp Thành và nhánh nối liên xã Tả Phời-Hợp Thành, thành phố Lào Cai	xã Tả Phời + xã Hợp Thành	3,70	1,20				2,50	Ngân Sách TW + Địa phương
26	Đường B3 kéo dài nối với sau số Tài chính và Biển phòng tỉnh	phường Nam Cường, thành phố Lào Cai	3,00					3,00	Vốn ngân sách tập trung + Vốn khác
27	San gạt mặt bằng và xây dựng các tuyến đường BM2, BM3 (nối từ đường BM1, D1 đến đường XT10 và các tuyến đường ngang	Phường Bình Minh thành phố Lào Cai	25,00	1,20				23,80	Vốn vay quỹ phát triển đất + Vốn ngân sách + Vốn khác
III	Dự án XD công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ cộng đồng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	05 dự án	12,05	0,47	0,00	0,00		11,58	Quyết định số: 2017/QĐ-UBND ngày 21/7/2014 của UBND thành phố Lào Cai v/v phê duyệt bổ sung dự án xây dựng công trình (đoạn từ B7-B10) Hạng mục Mặt đường 2 bên và các đường nhánh
1	Nhà VH khu dân cư (tổ 13, 14)	P. Bắc Lệnh	0,38					0,38	NS thành phố
2	Điểm VH khu dân cư (tổ 11)	P. Nam Cường	0,18	0,10				0,08	NS thành phố
3	Điểm VH khu dân cư (thôn Hồng Hà, Giang Đông)	X. Vạn Hòa	0,12					0,12	NS thành phố
4	Điểm VH khu dân cư (Tát 1, Sơn Cánh, Sơn Lầu, Liên Hợp, Dạ, Nhón, Dốc Đồ...)	X. Cam Đường	0,37	0,37					NS thành phố
5	Sân vận động (Khu liên hợp thể thao)	P. Bắc Lệnh, Bình Minh	11,00					11,00	NS tỉnh
									Quyết định số 214/QĐ-SXD ngày 09/6/2014 của Sở Xây dựng Lào Cai về việc phê duyệt KHHĐT gói thầu Tư vấn KS và lập dự án đầu tư công trình: Sân vận động tỉnh

IV	Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	10 dự án	240,14	17,82	44,61		177,71	0,00	
1	Khu ĐTM tổ 24A-26B	P. Duyên Hải	33,00	3,00	13,00		17,00	Vốn DN	
2	Khu ĐTM tổ 31- 34	P. Duyên Hải	26,00		3,90		22,10	Vốn DN	
3	Tiểu khu đô thị 14, 15	P. Nam Cường	51,72	5,24			46,48	Vốn DN	
4	Tiểu khu đô thị số 5	P. Bắc Cường	30,14	3,78	26,36			Vốn Doanh nghiệp	Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 17/1/2012 V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tiểu khu đô thị số 5, khu đô thị mới LC-CĐ
5	Tiểu khu đô thị số 10	P. Bắc Cường	41,65	4,55	1,35		35,75	Vốn DN	Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 13/2/2013 V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tiểu khu đô thị số 10, khu đô thị mới LC-CĐ
6	Khu TĐC Khai trường 21	X. Đồng Tuyển	5,00				5,00	Vốn DN	
7	Khu TĐC Mỏ đồng	X. Tả Phời	1,91	0,25			1,66	Vốn DN	Quyết định số 3694/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 của UBND thành phố LC V/v phê duyệt danh mục chuẩn bị đầu tư Hạ tầng xây dựng khu TĐC cư phục vụ dự án Mỏ đồng Tả Phời
8	Tiểu khu đô thị 6, 7	P Bình Minh, Nam Cường	47,00	1,00			46,00	Vốn DN	
9	Khu nhà ở thương mại dọc đường Trần Đăng Ninh, phường Cốc Lếu	p. Cốc Lếu	0,22				0,22	Vốn DN	
10	Khu TĐC Làng Đen	X. Đồng Tuyển	3,50				3,50	NS TW hỗ trợ +vốn khác (QĐ 3007)	TB 279/TB-SXD ngày 10/10/2014 v/v Thông báo giới thiệu địa điểm đất QH khu TĐC Làng Đen

V	Dự án khai thác KS được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật DB)	01 dự án	28,20					28,20				
1	Khai thác mỏ Đomolit	X. Tả Phời	28,20					28,20	Vốn doanh nghiệp	Mới khoan thăm dò		
	Tổng cộng	48 dự án	404,34	23,56	44,61	0,00	336,16					

**CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT THEO QUY ĐỊNH TẠI
KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI - HUYỆN VĂN BÀN NĂM 2015**

(Kèm theo Nghị quyết số: 35/2014/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

STT	Danh mục các công trình, dự án	Địa điểm	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị XH; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	11 dự án	3,37	0,35			3,02		
1	XD Trụ sở UBND xã Võ Lao	Xã Võ Lao	1,10				1,10	Ngân sách TW	Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 29/4/2014 của UBND tỉnh Lào Cai
2	Xây dựng hội trường UBND xã Khánh Yên Hạ	Xã Khánh Yên Hạ	0,05				0,05	Sự nghiệp kiến thiết thị chính 2014-2015	
3	Xây dựng hội trường UBND xã Làng Giàng	Xã Làng Giàng	0,10				0,10	Sự nghiệp kiến thiết thị chính 2014-2015	
4	Xây dựng hội trường UBND xã Hòa Mạc	Xã Hòa Mạc	0,12				0,12	Sự nghiệp kiến thiết thị chính 2014-2015	
5	Xây dựng hội trường UBND xã Khánh Yên Thượng	Xã Khánh Yên Thượng	0,11				0,11	Sự nghiệp kiến thiết thị chính 2014-2015	
6	Kế hoạch xây dựng trạm y tế Khánh Yên Thượng	Xã Khánh Yên Thượng	0,04				0,04	Nguồn vốn 293	Quyết định số 3867/QĐ-UBND ngày 8/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai
7	Kế hoạch xây dựng trạm y tế xã Dân Thàng	Xã Dân Thàng	0,50				0,50	Nguồn vốn 293	Quyết định số 3867/QĐ-UBND ngày 8/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai
8	Nhà bán trú học sinh trường PTDTBTHCS Sơn Thủy	Xã Sơn Thủy	0,20	0,20				Nguồn vốn 293	
9	Nhà bán trú học sinh trường PTDTBTHCS Chiềng Ken	Xã Chiềng Ken	0,15	0,15				Nguồn vốn 293	

10	Nhà bán trú học sinh trường PTDTBTTHCS Nậm Cháy	Xã Nậm Cháy	0,50						0,50				0,50	Nguồn vốn 293	Quyết định số 3867/QĐ-UBND ngày 8/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai
11	Nhà bán trú học sinh trường PTDTBTTHCS Dân Thàng	Xã Dân Thàng	0,50						0,50				0,50	Nguồn vốn 293	Quyết định số 3867/QĐ-UBND ngày 8/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai
II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	17 dự án	8,51	2,16	0,94	0,84	4,57								
1	Cầu vào thôn Nà Thái xã Khánh Yên Thượng	Xã Khánh Yên Thượng	0,17	0,17										Nguồn vốn 293	
2	Cầu Noong Khuán xã Khánh Yên Trung	Xã Khánh Yên Trung	0,20	0,20										Nguồn vốn 293	
3	Cầu trên đường Ta Khuán khe van xã Sơn Thủy	Xã Sơn Thủy	0,20	0,20										Nguồn vốn 293	Quyết định số 3867/QĐ-UBND ngày 8/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai
4	Cầu qua suối Nậm Mu xã Võ Lao	Xã Võ Lao	0,20	0,20										Nguồn vốn 293	Quyết định số 3867/QĐ-UBND ngày 8/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai
5	Dự án thủy lợi Nậm Tầm xã Dân Thàng	Xã Dân Thàng	0,50						0,50					Ngân sách TW	Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 27/8/2014 của UBND huyện Văn Bàn
6	Dự án thủy lợi Tà Mòng xã Dân Thàng	Xã Dân Thàng	0,06	0,06										Sự nghiệp kiến thiết thị chính 2014-2015	Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 của UBND huyện Văn Bàn
7	Nâng cấp thủy lợi Tông Hốc xã Dương Quỳ	Xã Dương Quỳ	0,70	0,30					0,40					Ngân sách tỉnh	Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 27/8/2014 của UBND huyện Văn Bàn

8	XD cầu treo Hòa Mạc xã Hòa Mạc	Xã Hòa Mạc	0,05	0,02				0,03	Ngân sách tỉnh	Quyết định số 556/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 của UBND huyện Văn Bàn
9	Sửa chữa ngấm trần thôn Trung Tâm xã Liêm Phú	Xã Liêm Phú	0,05	0,05					Sự nghiệp kiến thiết thị chính 2014-2015	Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của UBND huyện Văn Bàn
10	Dự án thủy lợi Dồi Pèng xã Nậm Xáy	Xã Nậm Xáy	1,00					1,00	Ngân sách TW	Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 27/8/2014 của UBND huyện Văn Bàn
11	Dự án thủy lợi Nậm Miện-bản Ngoang xã Thảm Dương	Xã Thảm Dương	0,05	0,05					Sự nghiệp kiến thiết thị chính 2014-2015	Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 của UBND huyện Văn Bàn
12	Dự án thủy lợi Nậm Con xã Thảm Dương	Xã Thảm Dương	0,25	0,05				0,20	Sự nghiệp kiến thiết thị chính 2014-2015	Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của UBND huyện Văn Bàn
13	Thực hiện giai đoạn I (2013-2015) của dự án cấp điện nông thôn tỉnh Lào Cai 2013-2020		4,22	0,76	0,84	0,84		1,77	Vốn NSDP + Vốn khác	
14	Giảm cường độ phát thải lưới điện phân phối khu vực miền bắc – vay vốn ngân hàng tái thiết đứcc kfw		0,14	0,04	0,04			0,06	Vay vốn ngân hàng tái thiết đứcc kfw	
15	Mở rộng và cải tạo lưới điện cho các xã vùng sâu, vùng xa tại tỉnh Lào Cai, vay vốn ADB – Vốn dự cầu phần I		0,17	0,05	0,06			0,06	vay vốn ADB – Vốn dự cầu phần I	
16	Mở rộng cấp điện khu dân cư sau TBA Võ Lao, TBA Nậm Dạng 1, TBA Nậm Dạng 4 huyện Văn Bàn	Xã Võ Lao; xã Nậm Dạng- huyện Văn Bàn	0,02	0,00				0,01	vốn doanh nghiệp	0,00
17	Mở mới đường B7 xã Võ Lao	Xã Võ Lao	0,53					0,53	Ngân sách TW	Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 27/8/2014 của UBND huyện Văn Bàn

III	Dự án XD công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ cộng đồng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điều c, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	01 dự án	1,15	0,25				0,90		
1	Mở mới sân vận động trung tâm xã	Xã Văn Sơn	1,15	0,25				0,90	Ngân sách TW	
IV	Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điều d, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	00 dự án								
V	Dự án khai thác KS được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (Điều đ, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	4 dự án	168,32	6,50				161,82		
1	Mỏ sắt Quý Xa	Xã Sơn Thủy	43,70	1,00				42,70	Vốn doanh nghiệp	Quyết định số 1436/QĐ-UB ngày 5/6/2006 của UBND tỉnh
2	Mỏ sắt Hoàng Lan	Xã Thảm Dương	10,00	2,00				8,00	Vốn doanh nghiệp	
3	Khai thác quặng cao lanh (FelsPat), Công ty TNHH Phúc Bình	Xã Hòa Mạc, xã Lăng Giàng	12,52	0,50				12,02	Vốn doanh nghiệp	Quyết định số 1471/UBND-CN ngày 26/4/2014 của UBND tỉnh Lào Cai
4	Khai thác và tuyển quặng sắt, Mỏ sắt Ba Hòn	Xã Sơn Thủy	102,10	3,00				99,10	Vốn doanh nghiệp	Quyết định số 1408/GP-BTNMT ngày 29/8/2012, số 974/QĐ-UBND huyện Văn Bàn ngày 29/11/2010
Tổng cộng		33 dự án	181,35	9,26	0,94	0,84	170,31			

**CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT THEO QUY ĐỊNH TẠI
KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI - HUYỆN BẢO THẮNG NĂM 2015**

(Kèm theo Nghị quyết số: 35/2014/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

STT	Danh mục các công trình, dự án	Địa điểm	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị XH; dự án di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai)	7 dự án	1,18	0,61			0,57		
1	Xây dựng trường trung học cơ sở thôn Làng Có	Xã Phong Niên	0,30				0,30	Vốn NS tỉnh	
2	Xây dựng trường tiểu học số 2 thôn Làng Có 2	Xã Phong Niên	0,10	0,10				CT 135 + NTM thực hiện ĐA MN	
3	Xây mới Trường MN Ánh Sao phân hiệu Lũng Vài	Xã Bản Phiệt	0,10				0,10	CT 135 + NTM thực hiện ĐA MN	
4	Xây dựng Trụ sở cơ quan thi hành án	Thị trấn Phố Lu	0,39	0,39				Vốn cục thi hành án	
5	Mở rộng trụ sở làm việc HDND-UBND thị trấn Phố Lu	Thị trấn Phố Lu	0,02				0,02	Trình trạng đồ thị	Quyết định số 119/QĐ-UBND 2005 của UBND tỉnh
6	Xây mới trụ sở UBND xã Thái Niên	Xã Thái Niên	0,15				0,15	Vốn NS tỉnh	
7	Mở rộng trường tiểu học số 4	Xã Phú Nhuận	0,12	0,12				Vốn do NS địa phương (Sự nghiệp giáo dục NS tỉnh)	
II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị, công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai)	33 dự án	69,21	3,66	0,05		65,50		

1	Các công trình ngành điện đầu tư (Trạm biến áp và đường dây 15 công trình)	Huyện Bảo Thắng	1,82	0,13					1,69	Vốn ngành điện	
2	Di chuyển đường điện nằm trên QL 4E từ vị trí cũ vào vị trí mới	thị trấn Phố Lu	3,50						3,50	Vốn số GTVT tỉnh Lào Cai	
3	Thủy lợi thôn Tòng Già, Vĩ Mã Trên, thị trấn Phong Hải	TT Phong Hải	0,80	0,15					0,65	Sự nghiệp nông nghiệp 2014-2015	
4	Xây mới Cầu thôn Cặp Kẹ	Xã Gia Phú	0,10						0,10	Sự nghiệp giao thông 2014-2015	Quyết định số 3433 ngày 7/11/2013 của UBND tỉnh
5	Mở rộng đường giao thông liên xã Phong Niên đi Thái Niên	Xã Phong Niên	2,00						2,00	Vốn vay tín dụng ưu đãi + Vốn NS + Vốn khác	
6	Xây dựng cầu Treo thôn Nhuận 4	Xã Phú Nhuận	0,03	0,03						Vốn NS tỉnh	
7	Xây dựng khu xử lý rác thải thôn Phú Hải 2	Xã Phú Nhuận	1,70						1,70	Vốn NS tỉnh	
8	Xây dựng khu xử lý rác thải thôn Phú Hà	Xã Phú Nhuận	15,00						15,00	Vốn NS tỉnh	
9	Dự án đường điện 220 kV Bảo Thắng, Yên Bái	Xã Phú Nhuận, xã Sơn Hà, xã Trì Quang, TT Tầng Loóng	0,65	0,05					0,60	Vốn Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Quyết định số 1612/QĐ-FVNNPT ngày 2/12/2013 của tập đoàn Điện lực Việt Nam
10	Xây dựng 2 hồ chứa nước	Xã Phú Nhuận + Xã Phong Niên	4,00	1,00					3,00	Vốn sự nghiệp nông nghiệp	
11	Thủy lợi thôn Khe Mụ, Khe Mụ 1, Làng Chung, Trà Châu, An Hồng, An Thắng, xã Sơn Hà, H. Bảo Thắng	Xã Sơn Hà	0,02	0,02						Sự nghiệp nông nghiệp 2014-2015	
12	Xây dựng cầu treo Soi Chát	Xã Sơn Hải	0,50	0,06					0,44	Vốn NS tỉnh	
13	Mở rộng đường Cánh Địa- Cầu Chát (Xã Xuân Giao)	Xã Sơn Hải	0,29	0,05					0,24	Vốn NS tỉnh	
14	Mở mới đường giao thông nông thôn xã Thái Niên (5 tuyến)	Xã Thái Niên	27,00	1,50					25,50	Vốn nông thôn mới	
15	Xây dựng tuyến thủy lợi thôn Báu - thôn Múc	Xã Thái Niên	0,40						0,40	Sự nghiệp nông nghiệp 2014-2015	Quyết định số 2510/QĐ-UBND ngày 4/9/2014
16	Thủy lợi Tân Thắng, Móm Đào, Trần Xoan, Khe Đền, Đo Trong, Đo Ngoài, xã Thái Niên	Xã Thái Niên	0,50	0,10					0,40	Sự nghiệp nông nghiệp 2014-2015	Quyết định số 2510/QĐ-UBND ngày 10/4/2014

17	Thủy lợi Nhò Trong - Liên Hợp, xã Trì Quang, huyện Bảo Thắng	Xã Trì Quang	0,21	0,15			0,06	Sự nghiệp nông nghiệp 2014-2015	Quyết định số 2510/QĐ-UBND ngày 4/9/2014 của UBND tỉnh
18	Mở mới đường giao thông nông thôn xã Trì Quang (2 tuyến)	Xã Trì Quang	1,00	0,10			0,90	Vốn NS tỉnh	
19	Mở mới đường giao thông (đường D3 và đường 4)	TT Tầng Lõong	2,05	0,03			2,02	Vốn NS tập trung + vốn sự nghiệp GT + nguồn tăng thu NS + vốn khác	
20	Xây dựng Cầu Làng Phèo	Xã Xuân Giao	0,40				0,40	NQ 37	
21	Di chuyển đường điện 0.4 KV từ ngã 3 cơ khí mỏ đi Tả Thắng	Xã Xuân Giao	0,02				0,02	Vốn GPMB	
22	Mở mới đường giao thông nông thôn xã Xuân Quang (18 tuyến)	Xã Xuân Quang	3,09				3,09	Vốn NS tỉnh	
23	Thủy lợi Hang Đá, Hốc Đá, Nậm Cút và Cốc Mẩn, xã Xuân Quang, huyện bảo Thắng	Xã Xuân Quang	0,24	0,24				Sự nghiệp nông nghiệp 2014-2015	Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 23/9/2014 của UBND tỉnh
24	Xây mới cầu Tân Quang, huyện Bảo Thắng	Xã Xuân Quang	0,20				0,20	Sự nghiệp giao thông 2015-2016	Quyết định số 3027/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 của UBND tỉnh
25	Giảm cường độ phát thải lưới điện phân phối khu vực miền bắc – vay vốn ngân hàng tái thiết đưc kfw		0,14	0,04	0,05		0,05	Vay vốn ngân hàng tái thiết đưc kfw	
26	Mở rộng và cải tạo lưới điện cho các xã vùng sâu, vùng xa tại tỉnh Lào Cai, vay vốn ADB – Vốn dư cấu phần 1		0,13				0,13	vay vốn ADB – Vốn dư cấu phần 1	
27	Đường dây và TBA 110 kV Tầng Lõong 3	Khu công nghiệp Tầng Lõong, huyện Bảo Thắng	1,48				1,48	Vốn doanh nghiệp	
28	Mở rộng cấp điện Chống quá tải các TBA khu vực thị trấn Tầng Lõong	Thị trấn Tầng Lõong, huyện Bảo Thắng	0,02	0,01			0,02	Vốn doanh nghiệp	

29	Cải tạo, chống quá tải lưới điện khu vực xã Xuân Quang - huyện Bảo Thắng xã Bảo Nhai - Bắc Hà	xã Xuân Quang - Bảo Thắng xã Bảo Nhai - Bắc Hà	0,02	0,01				0,02	Vốn doanh nghiệp	
30	Trạm quản lý vận hành và thu tiền điện Đường Kim Hải thị trấn Phố Lu huyện Bảo Thắng	Đường Kim Hải thị trấn Phố Lu huyện Bảo Thắng	0,04					0,04	Vốn doanh nghiệp	
31	Trạm quản lý vận hành và thu tiền điện xã Gia Phú huyện Bảo Thắng	xã Gia Phú huyện Bảo Thắng	0,04					0,04	Vốn doanh nghiệp	
32	Hạ tầng kỹ thuật KCN Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Hạng mục: Hệ thống xử lý nước thải	TT Tăng Loóng huyện Bảo Thắng	1,80					1,80	Vốn vay ODA	
33	Xây dựng bãi thu gom rác thôn Đo Ngoại	Xã Phong Niên huyện Bảo Thắng	0,02					0,02	Vốn NS tỉnh	
III	Dự án XD dự án phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ cộng đồng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai)	10 dự án	44,13	0,37				43,76		
1	Nâng cấp sân vận động huyện Bảo Thắng	TT Phố Lu	1,00					1,00	Sự nghiệp KTTC 2015-2016	
2	Xây dựng chợ TT Tăng Loóng	TT Tăng Loóng	1,00					1,00	Vốn NS địa phương	
3	Mở rộng chợ Bản Cầm	Xã Bản Cầm	0,80	0,10				0,70	Vốn NS địa phương	
4	Mở rộng chợ 34 xã Phong Niên	Xã Phong Niên	0,02	0,01				0,01	CT 135	
5	Xây dựng chợ Gia Phú	Xã Gia Phú	1,10					1,10	Vốn NS địa phương	
6	Xây dựng các nhà văn hóa thuộc xã Gia Phú	Xã Gia Phú	0,10					0,10	Vốn NS địa phương	
7	Xây dựng các nhà văn hóa thuộc xã Thái Niên	Xã Thái Niên	4,33	0,03				4,30	Vốn NS địa phương	

8	Xây dựng nghĩa địa 6 thôn (thôn Đo Ngoại)	Xã Thái Niên	4,20						Vốn NS địa phương	4,20	
9	Xây dựng các nhà văn hóa thuộc xã Xuân Quang	Xã Xuân Quang	4,58	0,03					Vốn NS địa phương	4,55	
10	Nghĩa trang nhân dân huyện Bảo Thắng	Xã Xuân Quang	27,00	0,20					Sự nghiệp bảo vệ môi trường 2015-2017	26,80	
IV	Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai)	7 dự án	168,35	22,34	11,60	134,41					
1	Nhà Máy sản xuất phốt pho số 7	KCN Tăng Loong	1,83	0,54					Vốn doanh nghiệp	1,29	Công văn số 3644/UBNN-CN ngày 20/11/2012; chứng chỉ quy hoạch số 04/CCQH-BQL ngày 21/7/2014 của UBND tỉnh.
2	Hồ thái số 2 công ty Apatit Việt Nam	KCN Tăng Loong	39,50	8,00					Vốn doanh nghiệp	31,50	
3	Nhà Máy xử lý chất thải rắn	KCN Tăng Loong	40,00	7,80	5,60				Vốn doanh nghiệp	26,60	
4	Bãi chứa chất thải rắn	KCN Tăng Loong	80,00	6,00	6,00				Vốn doanh nghiệp	68,00	
5	Xây dựng Xưởng sản xuất dung dịch hóa chất thủy tinh lỏng	KCN Tăng Loong	1,02						Vốn doanh nghiệp	1,02	Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000352 do UBND tỉnh Lào Cai chứng nhận lần đầu ngày 14/8/2012; thay đổi lần thứ nhất ngày 12/12/2012; chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 24/3/2014.
6	Mở rộng khu tái định cư Sơn Hà	Xã Sơn Hà	3,00						Vốn NS địa phương	3,00	
7	Mở rộng khu tái định cư cầu Gia Phú	Xã Gia Phú	3,00						Vốn NS địa phương	3,00	

V	Dự án khai thác KS được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (Điểm đ, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai)	02 dự án	25,04	3,99	7,80		13,25	
1	Dự án khai thác quặng Apatit	Xã Phú Nhuận	17,24	3,99			13,25	Vốn doanh nghiệp
2	Dự án đầu tư xây dựng dự án khai thác và chế biến graphit mỏ Graphit Nậm Thi (Đồ đất thừa phục vụ thi công Dự án đầu tư xây dựng dự án khai thác và chế biến Graphit mỏ Graphit Nậm Thi)	X. Bản Phiệt	7,80		7,80			Vốn doanh nghiệp
	Tổng cộng	59 dự án	307,91	30,97	19,45		257,48	

Văn bản số 2754/
UBND-CN ngày
6/10/2011, và Quyết
định số 864/QĐ-
UBND ngày 31/3/2014
của UBND tỉnh.

Giấy chứng nhận đầu
tư số 12 121 000 194
ngày 29/04/2010 thay
đổi lần thứ hai ngày
28/12/2012.

**CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT THEO QUY ĐỊNH TẠI
KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI - HUYỆN BẢO HẢO NĂM 2015**

(Kèm theo Nghị quyết số: 35/2014/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

STT	Danh mục các công trình, dự án	Địa điểm	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất			Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng		
I	Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	19 dự án	9,63	0,59			9,03	
1	Mở rộng Di tích lịch sử văn hóa Đền Bảo Hà (Khu đồi Đền Bảo Hà)	Bản Bảo Vĩnh, Xã Bảo Hà	4,15	0,07			4,08	NSTW
2	Đình Làng Bản Già Hạ	Bản Già hạ, xã Việt Tiến	0,69	0,24			0,44	NSTW
3	Trụ sở làm việc UBND thị trấn Phố Ràng	Khu 5, thị trấn Phố Ràng	2,00				2,00	Quyết định số 1775/QĐ-UBND ngày 16/7/2013 giao danh mục chuẩn bị đầu tư.
4	Trường mẫu giáo Việt Tiến (trường trung tâm)	Bản Già Thượng, xã Việt Tiến	0,03				0,03	Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 13/9/2013
5	Điểm trường mẫu giáo bản Cam 4 + Hồng Cam	Bản Cam 4, Hồng Cam, xã Bảo Hà	0,11				0,11	Quyết định số 2801/QĐ-UBND ngày 01/10/2013
6	Xây dựng điểm trường mẫu giáo số 1 bản 3 AB + trường tiểu học số 3 bản Nhại Thổ, xã Kim Sơn	Bản 3 AB + bản Nhại Thổ, xã Kim Sơn	0,16				0,16	Quyết định số 2801/QĐ-UBND ngày 01/10/2013
7	Xây dựng trường mẫu giáo bản Trang + trường tiểu học đội 4, bản 4, xã Điện Quan	Bản Trang + Bản 4, xã Điện Quan	0,12				0,12	NSTinh

8	Xây dựng khu mẫu giáo trung tâm Yên Sơn + điểm trường bản Múi 1 + trường TH xã Yên Sơn	Bản Mạ 3, Múi 1 xã Yên Sơn	0,17					0,17	NSTW + NSTỉnh	
9	Mở rộng trường mầm non bản 8 Vải Siêu + Xây mới điểm trường thôn 4 + 7 Vải Siêu + điểm trường TH số 2 + điểm trường TH số 1 bản 7 Vải Siêu xã Thượng Hà	Bản 8, bản 4 + 7 Vải Siêu, xã Thượng Hà	0,77	0,03				0,74	NSTW + NSTỉnh	Quyết định số 2801/QĐ-UBND ngày 01/10/2013
10	Trường Mẫu giáo xã Tân Tiến bản Nậm Bát	Bản Nậm Bát, xã Tân Tiến	0,20					0,20	NSTỉnh	Quyết định số 2801/QĐ-UBND ngày 01/10/2013
11	Trường MG + TH + THCS Việt Tiến (trường Trung tâm)	Bản Già Thượng, xã Việt Tiến	0,28	0,25				0,03	NSTW + NSTỉnh	Quyết định số 2801/QĐ-UBND ngày 01/10/2013
12	Trường tiểu học xã Long Phúc (trường trung tâm)	Bản Nà Khem, xã Long Phúc	0,05					0,05	NSTW	Quyết định số 2801/QĐ-UBND ngày 01/10/2013
13	Trường tiểu học Lương Sơn bản Sài 1	Bản Sài 1, xã Lương Sơn	0,08					0,08	NSTW	
14	Trường MG Hoa Sen + TH số 1 Bảo Hà	Thôn Lâm Sán, xã Bảo Hà	0,10					0,10	NSTW + NSTỉnh	
15	Trường TH số 2 bản Khoai 2 + Khoai 3	Bản Khoai 2 + 3, xã Bảo Hà	0,07					0,07	NSTW	
16	Trường MG (điểm trường Trĩ Nù) + THCS số 2 Long Khánh	Bản 2 + bản 4, xã Long Khánh	0,17					0,17	NSTW + NSTỉnh	
17	Trường THCS số 1 Cam Cọn	xã Cam Cọn	0,20					0,20	NSTW	
18	Xây dựng trường THCS số 1	Thôn Sáo, xã Xuân Hòa	0,10					0,10	NSTW	
19	Mở rộng trường THCS + điểm trường mẫu giáo bản Lăng, xã Nghĩa Đô	xã Nghĩa Đô	0,18					018	NSTW + NSTỉnh	
II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	35 dự án	72,73	6,05	4,31			62,37		
1	Mở tuyến D1	Xã Bảo Hà	4,26	0,76				3,50	NSTW	Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 26/4/2014

2	Đường nối trung tâm thị trấn Phố Ràng (tuyến N4) QL 279 nối N2	TT.Phố Ràng	3,60					3,60	NS tỉnh	Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 26/4/2014
3	San tạo mặt bằng khu dân cư tuyến T1 phía trái (QL 279-T2 Bảo Hà)	Xã Bảo Hà	0,32					0,32	NS tỉnh	Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 26/4/2014
4	Đấu giá đất ở đô thị khu 4B	Khu 4B, thị trấn Phố Ràng	2,80					2,80	NS tỉnh	
5	Kè bán chom bảo vệ khu dân cư xã Yên Sơn	Khu 4B, thị trấn Phố Ràng	3,50	2,00				1,50	NS tỉnh	Quyết định số 4149/QĐ-UBND ngày 20/10/2014
6	Hồ sinh thái	TT.Phố Ràng	2,00	0,50				1,50	NS tỉnh	
7	Mở tuyến D1	Xã Bảo Hà	4,26	0,76				3,50	NS tỉnh	Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 26/4/2014
8	Mở rộng tuyến bán Đáp - bán Tát Căng	Xã Nghĩa Đô	0,42					0,42	NS tỉnh	Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 26/8/2014
9	Bãi Rác thị trấn Phố Ràng	TT.Phố Ràng	3,00					3,00	NS tỉnh	
10	Mở rộng tuyến bán Minh Hải - bán Mai 1 - bán Mai 3	Xã Minh Tân	2,50					2,50	NS tỉnh	
11	Mở rộng tuyến bán 7 Mai Đào - bán 6 Mai Đào	Xã Thượng Hà	1,30	0,10				1,20	NS tỉnh	Quyết định số 957/QĐ-UBND ngày 22/4/2014
12	Mở mới tuyến đường Minh Tân - Bảo Hà	Xã Minh Tân, xã Bảo Hà	14,15	0,60				13,55	NS tỉnh	Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 26/4/2014
13	Đường trung tâm cụm xã Long Khánh tuyến 1 + tuyến 2	Xã Long Khánh	4,40	0,93				3,47	NS tỉnh	Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 24/8/2014 của UBND tỉnh
14	Đường trung tâm cụm xã Điện Quan 2 tuyến chính	Xã Điện Quan	3,00	0,16				2,84	NS tỉnh	Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 26/4/2014
15	Mở rộng QL 279 từ bán Bảo Vĩnh đi bán Liên Hà 3	Xã Bảo Hà	0,36					0,36	NS tỉnh	Quyết định số 957/QĐ-UBND ngày 22/4/2014
16	Mở rộng đường tuyến ông Tăng bán Múi 1 - Lương Sơn	Xã Yên Sơn	0,80					0,80	NS tỉnh	
17	Mở rộng đường tuyến bán 1 Là đi bán 7 Là	Xã Xuân Thượng	0,23					0,23	NS tỉnh	
18	Mở rộng đường Sơn Hà - Cam Cọn	Xã Cam Cọn	0,64					064	NS tỉnh	
19	Mở mới tuyến bán Bon 4 - Thượng Hà, Bon 3 - Bon 2	Xã Minh Tân	1,25					1,25	NS tỉnh	

20	Mở mới tuyến bán 5 - bán 6, tuyến bán 2 - bán 3, bán 3 - bán 6	Xã Long Phúc	4,68					4,68	NSTỉnh	
21	Mở mới đường đoạn nhà ông Chấn - bán Cóc Tào	Xã Tân Tiến	1,92					1,92	NSTỉnh	
22	Tuyến nhà ông Thiệp đi ông Cận	Bán Già Thượng, xã Việt Tiến	0,15	0,15					NSTỉnh	
23	Mở mới đường Co Bát bán Việt Hải, bán Già Hạ - Hàm Rồng, bán Cóc	Xã Việt Tiến	1,06					1,06	NSTỉnh	
24	Mở rộng tuyến Đường UBND xã Long Khánh đi QL70	Xã Long Khánh	1,10					1,10	NSTỉnh	
25	Đường bán 5 - bán 7, bán 4 - bán 5	Xã Long Khánh	5,88		4,20			1,68	NSTỉnh	
26	Hệ thống cấp điện Bản Nhâm-Thâm Bom, Khuổi Thàng và bán Qua 1, 2 xã Xuân Hòa	Xã Xuân Hòa	0,10					0,10	NSTỉnh	
27	Hệ thống điện chiếu sáng đường D6	TT.Phổ Rạng	0,02					0,02	NSTỉnh	Quyết định số 2405/QĐ-UBND ngày 25/8/2014
28	Trạm biến áp bán 7 Mai Đào, bán 1 Mai Đào, bán 8 Mai Đào, bán 8 Vải Siêu	Bán 7, 1, 8 Mai Đào, bán 8 Vải Siêu, Thượng Hà	0,68					0,68	NSTW	
29	Giảm cường độ phát thải lưới điện phân phối khu vực miền bắc – vay vốn ngân hàng tái thiết đưc kfw	Huyện Bảo Yên	0,14	0,03	0,05			0,05	Vay vốn ngân hàng tái thiết đưc kfw	
30	Mở rộng và cải tạo lưới điện cho các xã vùng sâu, vùng xa tại tỉnh Lào Cai, vay vốn ADB – Vốn dư cầu phần 1		0,16	0,05	0,06			0,06	vay vốn ADB – Vốn dư cầu phần 1	
31	Xây dựng mạch vòng Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện khu vực huyện Bảo Yên	Xã Cam Cộn- Huyện Bảo Yên	0,03	0,01				0,02	vốn doanh nghiệp	
32	Chống quá tải DZ và trạm biến áp Bảo Hà 2	Xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên	0,02	0,01				0,02	vốn doanh nghiệp	
33	Xây dựng bãi xử lý chất thải rác thải	Xã Bảo Hà	3,00					3,00	NSTW	
34	Bãi rác xã Yên Sơn	Xã Yên Sơn	0,50					0,50	NSTỉnh	
35	Xây dựng bãi xử lý chất thải rác thải	Xã Nghĩa Đô	0,50					0,50	NSTỉnh	

III	Dự án XD công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	15 dự án	10,89	2,02	0,50	8,37		
1	Chợ bến Cóc xã Long Khánh	Xã Long Khánh	0,70			0,70	NS tỉnh	
2	Bến xe khách huyện Bảo Yên	Bản Chom, xã Yên Sơn	1,40	0,52		0,88	NS tỉnh	
3	Xây dựng khu trung tâm TD-TT huyện Bảo Yên	TT.Phổ Ràng	0,35			0,35	NSTỉnh	Quyết định số 3724/QĐ-UBND 24/11/2014 của UBND tỉnh Lào Cai
4	Nhà thiếu nhi huyện Bảo Yên	Tổ 6 A1, TT.Phổ Ràng	1,01			1,01	NSTỉnh	
5	Chợ Phố Ràng	Thị trấn Phố Ràng	0,43			0,43	BOT	
6	Sân thể thao xã Nghĩa Đô	Bản Nà Đình, xã Nghĩa Đô	0,80	0,30		0,50	NSTỉnh	
7	Sân thể thao xã Bảo Hà	Bản Liên Hà 4, xã Bảo Hà	1,00	0,50		0,50	NSTỉnh	
8	Xây dựng khu thể thao, sân vận động, nhà văn hóa	Bản Bát, xã Yên Sơn	1,10			1,10	NSTỉnh	
9	Xây dựng khu thể thao xã Thượng Hà	Xã Thượng Hà	0,80	0,50		0,30	NSTỉnh	
10	Khu thể thao xã Việt tiến	Xã Việt Tiến	0,40	0,20		0,20	NSTỉnh	
11	Nghĩa địa tập trung bản Ràng	Xã Nghĩa Đô	0,10			0,10	NSTỉnh	
12	Xây dựng nghĩa địa bản Mạ 2	xã Yên Sơn	0,40			0,40	NSTỉnh	
13	Xây dựng nghĩa địa bản Tổng Gia	xã Yên Sơn	0,50		0,50		NSTỉnh	
14	Xây dựng nghĩa địa bản Cóc	xã Việt Tiến	1,40			1,40	NSTỉnh	

15	Xây dựng nghĩa địa bán Bất	xã Yên Sơn	0,50						0,50	NS Tỉnh	
IV	Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai)	6 dự án	15,62						15,62		
1	San tạo mặt bằng khu dân cư tuyến T1 phía trái (QL 279-T2 Bảo Hà)	Xã Bảo Hà	0,32						0,32	NS tỉnh	Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 26/4/2014
2	Đấu giá đất ở đô thị khu 2B	Khu 2B, thị trấn Phố Ràng	2,80						2,80	NS tỉnh	Quyết định số 3298/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 phê duyệt báo cáo KTKT
3	Đấu giá đất ở nông thôn bán Việt Hải	Bản Việt Hải, xã Việt Tiến	0,20						0,20	NS Tỉnh	
4	Đấu giá đất ở đô thị tổ 4B	Tổ 4B, thị trấn Phố Ràng	2,80						2,80	NS Tỉnh	Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/4/2014 giao danh mục chuẩn bị đầu tư
5	Bố trí sắp xếp dân cư ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm xã Tân Tiến	Xã Tân Tiến	3,50						3,50	NS Tỉnh	
6	Bố trí sắp xếp dân cư ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm xã Lương Sơn	Bản Chiềng 2, xã Lương Sơn	6,00						6,00	NS Tỉnh	
V	Dự án khai thác KS được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật DD)	1 dự án	64,00				0,90		63,10		
1	Khai thác và chế biến quặng Graphit mỏ Bảo Hà	Xã Bảo Hà	64,00				0,90		63,10	Vốn DN	Văn bản số 4593/UBND-CN ngày 13/11/2014 chấp thuận chủ trương lập dự án khai thác mỏ Graphit
	Tổng cộng	76 dự án	172,87	8,67	5,71	0,00			158,49		

**CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT THEO QUY ĐỊNH
TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI - HUYỆN SI MA CAI NĂM 2015**

(Kèm theo Nghị quyết số: 35/2014/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính : ha

STT	Danh mục các công trình, dự án	Địa điểm	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị XH; dự án di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sử nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật DD)	7 dự án	1,51	0,10			1,41		
1	TH Bàn Mế-Cốc Rế - 02 phòng ở GV	Bàn Mế	0,12				0,12	NQ 37 + vốn khác	
2	MN Cán Cầu - Trường chính - 4 phòng ở GV	Cán Cầu	0,07				0,07	NQ 37 + vốn khác	
3	Trường THCS xã Sín Chéng	Xã Sín Chéng	0,40				0,40	Nguồn Vốn 30a	
4	Trường Mầm non số 2 xã Sín Chéng	Xã Sín Chéng	0,40				0,40	Nguồn NS tỉnh	
5	Trường THCS xã Mán Thẩn	Xã Mán Thẩn	0,10				0,10	Nguồn Vốn 30a + vốn khác	
6	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT huyện Si Ma Cai		0,35	0,10			0,25		
7	Trường PTDTBTH số 2 Sán Chải-Lù Di Sán 1	Xã Sán Chải	0,07				0,07	NQ 37 + vốn khác	
II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật DD)	11 dự án	98,22	4,05	1,49		92,69		
1	Cầu đội 3 Hồ Cán Cầu, xã Cán Cầu (Cầu bản mó nhẹ L=6m, đường 2 đầu cầu L=60m)	Cán Cầu	0,91	0,01			0,90	Nguồn Vốn 30a	
2	Cầu Sín Chải xã Quan Thẩn Sán	Quan Thẩn Sán	0,07	0,02			0,05	Nguồn Vốn 30a	

3	Nâng cấp thủy lợi Na Cánh, xã Si Ma Cai (Kênh tả)	Xã Si Ma Cai	0,07	0,02			0,05	Chương trình 120/CP	
4	Đường Si Ma Cai - Bến Măng	Xã Si Ma Cai	13,15	1,05			12,10	Vốn NSTW	
5	Thủy lợi Pa Ke, xã Sán Chải	Xã Sán Chải	65,11	0,11			65,00	Vốn DN	
6	Các công trình GTNT huyện Si Ma Cai: Đường Say Sán Phìn - Sảng Mán Thẩn; đường chính Chư Phìn - Sẻ Lử Thẩn; Đường vào thôn Hòa Sừ Pan nhánh 2; Đường Bản Mế - Khuân Phúng; đường nội đồng thôn Sín Chải; Đường ra nương rẫy thôn Tả Cán Hồ; Đường Ngải Phóng Chồ - Say Sán Phìn; Đường Sừ Pà Phìn - Nhừ Cồ Ván; Đường Sán Chá - Cốc Dế; Đường Lùng Sán - Lồng Hồ; Đường vào thôn Trung Chải; Đường Đồi 3 - Nàn Vái; Đường Sảng Chải 4 - Hóa Chư Phùng; Đường Mu Tráng Phìn xã Cán Cấu đi Lao Chải xã Quan Thẩn Sán	Mán Thẩn, Lử Thẩn, Sán Chải, Bản Mế, Si Ma Cai, Cán Hồ, Quan Thẩn Sán, Thào Chư Phìn, Nàn Sín, Cán Cấu, Nàn Sán	10,74	1,50			9,24	Vốn Nông thôn mới	
7	Thực hiện giai đoạn I (2013-2015) của dự án cấp điện nông thôn tỉnh Lào Cai 2013-2020		7,26	1,31	1,45		4,50	Vốn NSĐP + Vốn khác	
8	Giảm cường độ phát thải lưới điện phân phối khu vực miền bắc – vay vốn ngân hàng tại thiết đưc kfw		0,13	0,03	0,04		0,07	Vay vốn ngân hàng tái thiết đưc kfw	
9	Trạm quản lý vận hành và thu tiền điện xã Cán Cấu huyện Si Ma Cai	Xã Cán Cấu huyện Si Ma Cai	0,05				0,05	vốn doanh nghiệp	
10	Trạm quản lý vận hành và thu tiền điện Xã Xín Chéng huyện Si Ma Cai	Xã Xín Chéng huyện Si Ma Cai	0,04				0,04	vốn doanh nghiệp	
11	San tạo mặt bằng tạo quỹ đất đầu giá trung tâm ụm xã Sín Chéng	Sín Chéng	0,70				0,70	Nguồn thu tiền SD Đ của huyện	
III	Dự án XD dự án phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	7 dự án	7,45	2,00			5,45		
1	Cụm công nghiệp làng nghề xã Si Ma Cai	Xã Si Ma Cai	6,00	2,00			4,00	Vốn tiểu thủ CV	
2	Cụm công nghiệp làng nghề xã Cán Cấu	Xã Cán Cấu	1,00				1,00	Vốn tiểu thủ CV	0,00

3	Nhà văn hóa 4 thôn xã Mán Thần	Xã Mán Thần	0,20					0,20	Vốn NQ37	0,00
4	Nhà văn hóa thôn Hố Sáo Chải xã Thào Chư Phìn	Xã Thào Chư Phìn	0,05					0,05	Vốn NQ37	0,00
5	Nhà văn hóa thôn 2 thôn xã Bản Mế	Xã Bản Mế	0,10					0,10	Vốn NQ37	0,00
6	Nhà văn hóa thôn Seo Cán Hồ xã Cán Hồ	Xã Cán Hồ	0,05					0,05	Vốn NQ37	0,00
7	Nhà văn hóa thôn Bản Kha xã Sín Chéng	Xã Sín Chéng	0,05					0,05	Vốn NQ37	0,00
IV	Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	0 dự án								0,00
	Tổng cộng	25 dự án	107,18	6,15	1,49			99,55		0,00

**CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT THEO QUY ĐỊNH
TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI - HUYỆN BẮC HÀ NĂM 2015**

(Kèm theo Nghị quyết số:35/2014/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính : ha

STT	Danh mục các công trình, dự án	Địa điểm	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị XH; dự án di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, Khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	5 dự án	0,714	0,054			0,660		
1	Phòng học Trường TH Cốc Ly 2 (trường chính)	Cốc Ly	0,150				0,150	Vốn Ngân sách + Vốn Khác	2328/QĐ-UBND ngày 05/9/2013
2	Nhà công vụ giáo viên Mầm non Bán Liên đội 2	Bán Liên	0,060				0,060	Vốn Ngân Sách huyện + Vốn khác	Quyết định 568/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 của UBND huyện Bắc Hà về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình:
3	Cải tạo trùng tu pháo đài truyền hình Bắc Hà, xây dựng nhà trưng bày hiện vật văn hóa truyền thống huyện Bắc Hà	Thị trấn Bắc Hà	0,300				0,300	Vốn Ngân sách tập trung + Vốn khác	460/UBND-QLĐT ngày 08/3/2010 của UBND tỉnh Lào Cai.
4	Nhà Công vụ giáo viên trường TH xã Bán Già (nhà công vụ GV+ học sinh)	Bán Già	0,104	0,054			0,050	Vốn NQ 30a + vốn khác	Quyết định 571/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 của UBND huyện Bắc Hà về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình:
5	Trường mẫu giáo Thái Giang Phố (phòng học + Phòng chức năng+Ngoại thất)	Thái Giang Phố	0,100				0,100	Vốn ủng hộ của tổng công ty thép Việt Nam	Biên bản ghi nhớ giữa Tổng công ty Thép Việt Nam và UBND huyện Bắc Hà ngày 15/11/2014
II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, Khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	26 dự án	125,881	17,649	7,196		101,036		

1	Thủy điện Bắc Nà	Bản Liên, Thái Giàng Phố	26,370	2,470			23,900	Vốn doanh nghiệp	Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số: 1212100144 ngày 18/06/2009 của UBND tỉnh Lào Cai. Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 29/6/2012. Văn bản số 1122/UBND-CN ngày 11/05/2011 về việc chủ trương điều chỉnh dự án thủy điện Bắc Nà, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Quyết định số: 65/QĐ-HĐQT ngày 19/5/2011 của Công ty Cổ phần thủy điện Bắc Nà về việc phê duyệt lại dự án đầu tư công trình thủy điện Bắc Hà.
2	Đường Ngải Thầu - thôn Sín Chải, xã Thái Giàng Phố - Thôn Ngải Thầu xã Tả Củ Tỷ	Thái Giàng Phố - Tả Củ Tỷ	7,500	4,500			3,000	Vốn NQ 30a + Vốn khác	Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 13/5/2013 của UBND huyện Bắc Hà về việc giao kế hoạch chuẩn bị đầu tư, thiết kế quy hoạch huyện Bắc Hà năm 2013.
3	Đường từ Na Quang đến trường nội trú thị trấn Bắc Hà	TT Bắc Hà	0,225				0,225	Vốn NSTT + Vốn khác	1314/QĐ-UBND ngày 20/5/2010
4	Đường vành đai 2 (đoạn ĐT153 đi UBND xã Na Hói - Na Kim, xã Tả Chải, huyện Bắc Hà.	Na Hói, Tả Chải	11,800	2,600			9,200	Vốn nghị quyết 37 + Vốn Ngân sách + Vốn khác	QĐ số 1706/QĐ-UBND ngày 20/6/2014
5	Đường nhánh Quán hóa vào khu dân cư	Lùng Phình	0,414				0,414	CT NTM năm 2015	Quyết định 158/QĐ-UBND ngày 05/05/2014 của UBND huyện Bắc Hà về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình:
6	Đường Nậm Thảng - Nậm Đét giai đoạn 2, xã Nậm Đét, huyện Bắc Hà	Nậm Đét	7,500	1,000			6,500	Vốn NQ 30a + Vốn ngân sách	Quyết định số: 521/QĐ-UBND ngày 25/8/2014 của UBND huyện Bắc Hà.
7	Đường Hoàng Thu Phố - Tả Thồ - Nhiều Cỏ Ván - Phìn Chư 3 Si Ma Cai	Hoàng Thu Phố, Cốc Ly, Tả Van Chư	16,000	2,500	1,200		12,300	Vốn NQ 30a + Vốn khác (Vốn TPCP)	Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 13/5/2013 của UBND huyện Bắc Hà về việc giao kế hoạch chuẩn bị đầu tư, thiết kế quy hoạch huyện Bắc Hà năm 2013.

8	Nâng cấp đường Lù Sui Tùng- Quán Hóa xã Bàn Giã, Lũng Phình	Lũng Phình, Bàn Giã	2,100	1,900				0,200	Vốn NQ 30a	Quyết định số: 1314/QĐ_UBND ngày 20/5/2010 của UBND tỉnh Lào Cai về việc giao kế hoạch danh mục công trình chuẩn bị đầu tư, thiết kế quy hoạch năm 2010.
9	Đường liên xã Nhiều Cù Ván A, Bn đi Tả Thồ 1 xã Hoàng Thu Phố	Tả Van Chư	15,000	3,000				12,000	Vốn NQ 30a	
10	Xây dựng kè bờ sông (chống sạt lở bờ sông chảy đảm bảo an toàn công trình trụ sở UBND xã, trạm y tế khu dân cư xã Cốc Lầu)	Cốc Lầu	0,240					0,240	Vốn ngân sách	
11	Công trình thủy lợi thôn Sả Mào Phố	Tả Cù Tỷ	0,203	0,014				0,189	Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Sự nghiệp Nông, lâm nghiệp năm 2014	QĐ số: 670/QĐ-UBND ngày 9/10/2014 của UBND huyện Bắc Hà về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn năm 2014 huyện Bắc Hà, năm 2014
12	Công trình Thủy lợi Pù Chù Ván xã Tả Van Chư	Tả Van Chư	0,178	0,021				0,157	Vốn Ngân sách	QĐ số: 591/QĐ-UBND ngày 9/9/2014 giao kế hoạch danh mục chuẩn bị đầu tư các công trình thủy lợi đợt 1 năm 2014 huyện Bắc Hà
13	Thủy lợi Nậm Lầy, xã Nậm Lúc	Nậm Lúc	0,130	0,014				0,115	Vốn Ngân sách	QĐ số: 591/QĐ-UBND ngày 9/9/2014 giao kế hoạch danh mục chuẩn bị đầu tư các công trình thủy lợi đợt 1 năm 2014 huyện Bắc Hà
14	Thủy lợi Nậm Thồ	Thái Giang Phố	0,165	0,005				0,160	Vốn Ngân sách	QĐ số: 591/QĐ-UBND ngày 9/9/2014 giao kế hoạch danh mục chuẩn bị đầu tư các công trình thủy lợi đợt 1 năm 2014 huyện Bắc Hà
15	Thủy lợi Sẻ Chải, xã Lũng Cái	Lũng Cái	0,537	0,027				0,510	Vốn Ngân sách	QĐ số: 591/QĐ-UBND ngày 9/9/2014 giao kế hoạch danh mục chuẩn bị đầu tư các công trình thủy lợi đợt 1 năm 2014 huyện Bắc Hà
16	Công trình thủy Lợi Pả Chư Tỷ 1	Lũng Phình	0,015		0,005			0,010	Vốn NQ 30a	
17	Công trình cấp điện thôn Nậm Bó, Tổng Thường, xã Nậm Đét	Nậm Đét	0,100	0,020				0,080	Vốn NQ 30a	

18	Các công trình đường giao thông nông thôn huyện Bắc Hà: Đường Khởi Xá Trong - Cốc Cọc (Bảo Nhai); Đường Lữ Chồ (xã Lầu Thí Ngai) - Lả Di Thàng (xã Tả Văn Chur); Đường giao thông liên thôn Năm Giá - Thèn Phùng (Cốc Ly); Đường Bản Ngỏ - Tổng Thượng (Năm Đét) xã Năm Môn; Đường UBND xã - Thôn Năm Kha II, xã Năm Môn; Đường từ trung tâm thôn Năm Đét - Năm Phúc, xã Năm Đét; Đường vào thôn Tả Chải 2 đi Pá Chư Tý 1, xã Lũng Phình; Mỏ mới đường Khe Thượng - Làng Chàng, Minh Hà, xã Cốc Lầu; Đường Sừ Mẩn Khang - Pá Hai Túng xã Tả Văn Chur; Đường vào TT thôn Sảng Mào phó xã Tả Cú Tỷ;	Bảo Nhai; Lầu Thí Ngai; Tả Văn Chur; Năm Đét; Lũng Phình; Tả Cú Tỷ; Cốc Lầu; Năm Môn	29,640	2,700			26,940	CT NTM năm 2015	
19	Trạm QLVH điện lực khu vực ngã ba đường đi Bản Già, đi xã Lũng Cái, đi Lũng Phình	Lũng Phình	0,080				0,080	Vốn Doanh nghiệp	
20	Trạm QLVH điện lực trung tâm xã Lũng Phình	Lũng Phình	0,080				0,080	Vốn Doanh nghiệp	
21	Trạm QLVH điện lực trung tâm xã Bảo Nhai	Bảo Nhai	0,080				0,080	Vốn Doanh nghiệp	
22	Thực hiện giai đoạn I (2013-2015) của dự án cấp điện nông thôn tỉnh Lào Cai 2013-2020		7,256	1,306	1,451		4,499	Vốn NSĐP + Vốn khác	
23	Giảm cường độ phát thải lưới điện phân phối khu vực miền bắc – vay vốn ngân hàng tái thiết đưc kfv		0,140	0,043	0,040		0,058	Vay vốn ngân hàng tái thiết đưc kfv	
24	Cải tạo, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện huyện Bắc Hà	TT Bắc Hà và xã Na Hối huyện Bắc Hà	0,020	0,006			0,014	vốn doanh nghiệp	
25	Chống quá tải, nâng công suất các TBA khu vực huyện Bảo Yên, huyện Bắc Hà và huyện Si Ma Cai	Thị trấn Phổ Ràng huyện Bảo Yên và TT Si Ma Cai, TT Bắc Hà huyện Bắc Hà	0,009	0,003			0,006	vốn doanh nghiệp	

26	Công trình cấp điện 04 thôn dài 1,5km	Bảo Nhai	0,100	0,020				0,080	Vốn TPCP	
III	Dự án XD dự án phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	4 dự án	39,396	4,757	5,000	0,000	29,639			
1	Công trình nhà Văn hóa các thôn của các xã trên địa bàn huyện Bắc Hà: thôn Nậm Kha II, Nậm Lầy, Nậm Thồ, Ngải Phóng Chồ, Nậm Sắt 1, Na Quang 1+2; Bắc Hà 4, Na Cồ 1, Bản Mết Ngòi, Làng Pàm, Nậm Hán 1, Thèn Phùng, Dì Thào Ván, Pờ Chồ 1, Đội 3, Phà Hai Túng, Lao Chải, Bản vàng, Bản Phó 2C, Quán Dín Ngải, Bản Phó 1, Trung La, Hà Tiên, Cốc Lầu, Tả Thồ 1, Hóa Chéo Chải, Cốc Cài Hạ, Nậm Làn, Dì Thàng 1	Các xã thuộc huyện Bắc Hà	1,169				1,169	Vốn Nghị Quyết 37		
2	Dự án sắp xếp dân cư thôn: Bản Ngò Hạ	Nậm Môn	30,000		5,000		25,000	Nguồn vốn theo QĐ 1776/TTg-CP và vốn khác		
3	Công trình xây dựng Chợ gia súc huyện Bắc Hà	Tả Chải	6,157	4,757			1,400	Vốn Ngân sách		
4	Xây dựng bãi xử lý chất thải xã Bảo Nhai thôn Nậm Giảng (khu vực TTCX Bảo Nhai)	Bảo Nhai	2,070				2,070	CT NTM năm 2015	QĐ số 89/QĐ-UBND ngày 11/4/2014 của UBND huyện Bắc Hà về việc phân bổ kế hoạch vốn trái phiếu chính phủ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM năm 2014 - huyện Bắc Hà.	
IV	Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	1 dự án	9,500				9,500			

1	Khu tiêu thu công nghiệp và làng nghề truyền thống	TT Bắc Hà	9,500					9,500	Vốn vay ưu đãi	
V	Dự án khai thác KS được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (Điểm đ, khoản 3 Điều 62 Luật ĐB)	1 dự án	6,000	5,500	0,500					
1	Dự án khai thác mỏ đá Quốc zit thôn Bản Giàng, xã Cốc Lầu, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. (xin mở rộng khu vực khai thác, quy hoạch khu vực sản xuất, bãi chứa, bãi xả thải)	Cốc Lầu	6,000	5,500	0,500				Vốn DN	
	Tổng cộng	37 dự án	181,49	22,46	17,70			141,34		

**CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT THEO QUY ĐỊNH
TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI - HUYỆN BÁT XÁT NĂM 2015**

(Kèm theo Nghị quyết số: 35/2014/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

STT	Danh mục các công trình, dự án	Địa điểm	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị XH; dự án di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai)	8 dự án	6,50				6,50		
1	Trạm y tế + Vườn thuốc nam cụm xã Trịnh Tường	Thôn Phố Mới 2, xã Trịnh Tường	0,20				0,20	Vốn Quyết định 293/QĐ-TTg	Công văn số 4227/UBND-TH ngày 23/10/2014 của UBND tỉnh
2	Mở rộng Trạm Y tế + Vườn thuốc nam xã Bản Vược	Xã Bản Vược	0,20				0,20	Vốn Quyết định 293/QĐ-TTg	Quyết định số: 2816 ngày 21/10/2013 về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư - thiết kế quy hoạch đợt 6- năm 2013
3	Mở rộng Trạm Y Tế + Vườn thuốc nam xã Bản Qua	Xã Bản Qua	0,20				0,20	Vốn Quyết định 293/QĐ-TTg	Quyết định số: 2816 ngày 21/10/2013 về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư - thiết kế quy hoạch đợt 6- năm 2013
4	Trường Trung học số I Bát Xát	Xã Bản Qua	5,40				5,40	NS của tỉnh Vốn vay Quỹ phát triển đất	Quyết định số 1472/QĐ-UBND ngày 23/1/2014 của UBND tỉnh
5	Trường tiểu học Trung Lềng Hồ - Trường chính	Thôn Phìn Páo, Trung Lềng Hồ	0,10				0,10	Sự nghiệp giáo dục 2014-2015	Quyết định số:2406/QĐ-UBND ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư xây dựng nhà bán trú và các công trình phụ trợ cho học sinh bán trú tỉnh Lào Cai (GD 2013-2015)

6	Trạm y tế + Vườn thuốc nam cụm xã Y Tý	Xã Y Tý	0,15					Vốn NN hỗ trợ + ND góp	0,15	
7	Trạm y tế + Vườn thuốc nam xã Pa Cheo	Xã Pa Cheo	0,15					Vốn NN hỗ trợ + ND góp	0,15	
8	Trường tiểu học Nậm Chạc - Điểm Trường chính (nhà bán trú)	Xã Nậm Chạc huyện Bát Xát	0,10					Sự nghiệp giáo dục 2013-2014	0,10	Quyết định số: 5272/QĐ-UBND ngày 29/10/2013
II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai)	44 dự án	152,56	11,95	33,70	106,91				
1	Tuyến đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai - Sa Pa	Xã Cốc San Xã Tông Sành	23,50 47,50	2,00 7,00	2,00 8,00	19,50 32,50	Vốn DN+NS Vốn DN+NS			
2	Tuyến đường giao thông N1 - D14 Nội Thị	T.Trần Bát Xát	0,58	0,06		0,52	Vốn NS tỉnh			
3	Kè bảo vệ mố 88 xã Y Tý	Xã Y Tý	1,70			1,70	Vốn NSTW			Quyết định số: 77/QĐ-UBND ngày 15/7/2014
4	Tuyến đường đi thôn San Lùng	Xã Bản Xèo	0,40			0,40	Quyết định 120 + Nghị quyết 37 + Vốn khác			Quyết định số: 795/QĐ-UBND ngày 16/4/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai về việc giao danh mục CBĐT Thiết kế Quy hoạch Đợt 2 - năm 2012
5	Tuyến đường Nậm Cáng - Ma Cò Nậm Chạc (Bổ sung DT)	Xã Nậm Chạc	7,10			7,10	Vốn Quyết định 120			Quyết định số: 2932/QĐ-UBND ngày 30/10/2013 của UBND tỉnh
6	Đường vào UBND xã Nậm Pung	Xã Nậm Pung, xã Mường Hum	1,30	0,01		1,29	Vốn QĐ 293			Quyết định số: 634/QĐ-UBND ngày 19/3/2013 của UBND tỉnh Lào Cai về việc giao danh mục CBĐT công trình đường vào UBND xã Nậm Pung
7	Bến xe khách huyện Bát Xát	km0, xã Bản Vược	1,40	0,50		0,90	Sự nghiệp giao thông 2015-2016			Quyết định số: 3017 ngày 22/10/2014 về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư cơ sở hạ tầng năm 2014
8	Công trình thủy lợi Sín San 1,2,3 - Hồng Ngài	Sín San, 1,2,3 - Hồng Ngài, xã Y Tý	1,10			1,10	Sự nghiệp nông nghiệp 2014-2016			Quyết định số: 2510 ngày 04/9/2014 về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2014

9	Công trình thủy lợi thôn Sùng Vành	Thôn Sùng Vành, xã Phìn Ngan	0,45					Sự nghiệp nông nghiệp 2014-2015	0,45	Sự nghiệp nông nghiệp 2014-2015	Quyết định số: 2510 ngày 04/9/2014 về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2014
10	Công trình thủy lợi thôn Trung Hồ	Thôn Trung Hồ, xã Phìn Ngan	0,40					Sự nghiệp nông nghiệp 2014-2015	0,40	Sự nghiệp nông nghiệp 2014-2015	Quyết định số: 2510 ngày 04/9/2014 về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2014
11	Công trình thủy lợi thôn Séo Phìn Chư	Thôn Séo Phìn Chư, xã A Lù	0,60					Sự nghiệp nông nghiệp 2014-2016	0,60	Sự nghiệp nông nghiệp 2014-2016	Quyết định số: 2510 ngày 04/9/2014 về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2014
12	Công trình thủy lợi thôn Ngải Chồ	Thôn Ngải Chồ, xã Pa Cheo	0,90					Sự nghiệp nông nghiệp 2014-2016	0,90	Sự nghiệp nông nghiệp 2014-2016	Quyết định số: 2510 ngày 04/9/2014 về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2014
13	Công trình thủy lợi thôn Dìn Pèng	Thôn Dìn Pèng, xã Cốc Mỹ	0,70					Sự nghiệp nông nghiệp 2014-2016	0,70	Sự nghiệp nông nghiệp 2014-2016	Quyết định số: 2510 ngày 04/9/2014 về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2014
14	Công trình thủy lợi thôn Tả Tông Sánh	Thôn Tả Tông Sánh, xã Tông Sánh	0,00					Sự nghiệp nông nghiệp 2014-2015		Sự nghiệp nông nghiệp 2014-2015	Quyết định số: 2510 ngày 04/9/2014 về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2014
15	Nâng cấp, Công trình thủy lợi thôn Nà Ân	Thôn Nà Ân, xã Mường Vi	0,80					Sự nghiệp nông nghiệp 2014-2017	0,80	Sự nghiệp nông nghiệp 2014-2017	Quyết định số: 2510 ngày 04/9/2014 về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2014
16	Công trình nước sạch thôn Nà Nàm	thôn Nà Nàm, xã Bản Qua	0,25					Sự nghiệp kiến thiết thị chính 2014-2015	0,25	Sự nghiệp kiến thiết thị chính 2014-2015	Quyết định số: 846 ngày 28/3/2014 về việc giao danh mục danh án chuẩn bị đầu tư nguồn vốn ngân sách tỉnh năm 2014
17	Đường từ tỉnh lộ 158 đi thôn Lao Chải	Thôn Lao Chải 3 xã Y Tý, Xã Y Tý	6,97	1,00				Sự nghiệp giao thông 2014-2016	5,97	Sự nghiệp giao thông 2014-2016	Quyết định số: 2816/QĐ-UBND ngày 21/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai về việc giao danh mục CBĐT Thiết kế Quy hoạch Đợt 6 - năm 2013
18	Tuyến đường trực thôn Ngải Thầu	xã Ngải Thầu	1,00					Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	1,00	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	
19	Tuyến đường trực thôn Lá Vàng Chải	xã Tông Sánh	1,00					Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	1,00	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	

20	Bãi tập kết rác thải sinh hoạt xã Bản Qua	Xã Bản Qua	0,20					Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	0,20	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)
21	Tuyến đường đi thôn Ngải Chồ 2	Xã Dền Sáng	0,21	0,08				Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	0,13	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)
22	Tuyến đường trục thôn Làng Kim	Xã Quang Kim	0,50					Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	0,50	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)
23	Tuyến đường trục thôn Bầu Pàng	Xã Cốc Mỳ	2,50	0,10	1,00			Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	1,40	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)
24	Tuyến đường trục thôn bản các thôn	Xã Mường Hum	0,50					Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	0,50	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)
25	Tuyến đường trục thôn Tả Lề	Trung Lềng Hồ	1,95					Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	1,95	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)
26	Các công trình điện sinh hoạt cho 2 thôn của xã	Xã Tông Sánh	0,20					Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	0,20	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)
27	Công trình điện sinh hoạt cho các thôn và KTDC	Xã Trinh Trường	0,80					Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	0,80	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)
28	Các công trình điện sinh hoạt cho các thôn, bản	Xã A Mú Sung	0,60					Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	0,60	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)
29	Công trình thủy lợi thôn cốc ngó	Xã Mường Hum	1,20					Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	1,20	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)
30	Nâng cấp, Công trình thủy lợi Làng San	Xã Quang Kim	0,50					Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	0,50	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)
31	Công trình thủy lợi thôn Sang Bang	Xã Bản Vược	0,50					Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	0,50	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)
32	Tuyến đường từ cầu Vĩ Phai đi xã Bản Qua	Xã Bản Qua	0,20					Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	0,20	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)
33	Công trình năng lượng xã Trinh Trường	Xã Trinh Trường	1,00					Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	1,00	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)
34	Công trình năng lượng xã Mường Ví	Xã Mường Ví	0,05					Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	0,05	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)
35	Các công trình điện sinh hoạt của xã Trinh Trường	Xã Trinh Trường	0,20					Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	0,20	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)
36	Tuyến đường Sinh Cơ -Nậm Pèn -Má Mù Sử	Xã Sàng Ma Sáo	1,00					Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	1,00	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)

37	Tuyến đường Bản Pho đi xóm mới xã Bản Vược	Xã Bản Qua	1,35					Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	1,35	Quyết định số: 2816 ngày 21/10/2013 về việc giao danh mục chuan bị đầu tư - thiết kế quy hoạch đợt 6- năm 2013
38	Tuyến đường trường Lái - Làng Hang	Xã Bản Qua	2,00					Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	2,00	
39	Tuyến đường Vĩ Lầu - Nậm Giang 1	Xã Nậm Chạc	1,20					Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	1,20	
40	Tuyến đường đi thôn Ngải Chở 2	Xã Dền Sáng	0,21	0,08				Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	0,13	
41	Tuyến đường thôn Tù Mẩn - đi Lao Sáng	Xã Phìn Ngan	0,30					Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	0,30	
42	Thủy điện Pờ Hồ	Xã Trung Lèng Hồ	37,32	1,00	22,70			Vốn DN	13,62	
43	Mở rộng đường Sài Duẩn - Tả Trang	Xã Phìn Ngan	0,30					Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	0,30	
44	Cải tạo, nâng cấp đường D4 trung tâm xã Y Tý	Xã Y Tý huyện Bát Xát	0,12	0,12				Sự nghiệp kiến thiết thị chính 2014-2015		Công văn số 4227/UBND-TH ngày 23/10/2014 của UBND tỉnh
III	Dự án XD dự án phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai)	27 dự án	107,95	0,97	41,50			65,48		
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại cửa khẩu Bản Vược	Thôn 1 Bản Vược , Xã Bản Vược	5,30	0,50				Vốn vay quỹ phát triển đất	4,80	Quyết định số: 3746/QĐ- UBND ngày 19/12/2013 của UBND tỉnh Lào Cai.
2	Xây dựng khu cửa khẩu xã Bản Vược	Xã Bản Vược	6,60					NSTW	6,60	Quyết định số: 3746/QĐ- UBND ngày 19/12/2013 của UBND tỉnh Lào Cai. V/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại cửa khẩu phụ Bản Vược, huyện Bát Xát

3	Nhà văn hoá + Hội trường UBND xã + NVH 2 thôn	Xã Cốc San	0,30					0,30	Nghị quyết 37 + Vốn khác	Quyết định số: 2816 ngày 21/10/2013 về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư - thiết kế quy hoạch đợt 6- năm 2013
4	Nhà văn hoá + Hội trường UBND xã	Xã Bán Vược	1,00					1,00	Nghị quyết 37 + Vốn khác	Quyết định số: 2816 ngày 21/10/2013 về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư - thiết kế quy hoạch đợt 6- năm 2013
5	Nhà văn hoá + Hội trường UBND xã	Thôn Tân Bảo, xã Bán Qua	0,30					0,30	Sự nghiệp kiến thiết thị chính 2014-2015	Quyết định số: 192 ngày 29/4/2014 về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư nguồn vốn ngân sách tỉnh năm 2014-2015
6	Nhà văn hoá thôn Làng Mỏ	Xã Dền Thành	0,05					0,05	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	
7	Sân bóng đá thôn Km0 xã Bán Vược	Xã Bán Vược	0,50					0,50	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	
8	Sân bóng đá thôn Tân Hồng xã Bán Qua	Xã Bán Qua	1,00					1,00	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	
9	Nhà văn hoá thôn Ngải Thầu	Xã Ngải Thầu	0,05					0,05	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	
10	Đất nhà văn hóa tổ 3 + 6	T.Trấn Bát Xát	0,07					0,07	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	UBND huyện Quyết định theo kế hoạch vốn
11	Nhà văn hoá thôn Mường Hum	Xã Mường Hum	0,03					0,03	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	
12	Nhà văn hoá thôn Làng Pẩn	Xã Quang Kim	0,05					0,05	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	
13	Đất nhà văn hóa thôn Nậm Giang I + II, Ma Cò	Xã Nậm chạc	0,30					0,30	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	
14	Đất nhà văn hóa thôn Dìn Pèng + Nậm Chôm	Xã Cốc Mỳ	0,12					0,12	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	
15	Sân bóng đá thôn Tân Long	Xã Cốc Mỳ	0,40					0,40	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	
16	Đất nhà văn hóa thôn bản gồm các thôn	Xã Trinh Tường	0,60					0,60	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	

17	Sân bóng đá khu TT xã	Xã Trinh Trường	0,40					0,40	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	0,40	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	UBND huyện Quyết định theo kế hoạch vốn
18	Đất nhà văn hóa thôn bán gồm 2 thôn	Xã A Mú Sung	0,20					0,20	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	0,20	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	
19	Đất nhà văn hóa thôn Sài Duẩn + Sùng Vui	Xã Phìn Ngan	0,08					0,08	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	0,08	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	
20	Đất nghĩa địa xã Bản Vược	Xã Bản Vược	3,60					3,60	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	3,60	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	
21	Nhà văn hoá + Hội trường UBND xã	Xã Bản Xèo	0,45	0,45				0,45	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)		Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	
22	Nâng cấp mở rộng chợ Thị Trấn Bát Xát	T. Trấn Bát Xát	0,15					0,15	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	0,15	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	UBND huyện Quyết định theo kế hoạch vốn
23	Nhà công vụ UBND xã	Xã Mường Vĩ	0,25	0,02				0,23	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	0,23	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	
24	Nhà văn hoá + Hội trường UBND xã	Xã Sàng Ma Sáo	0,05					0,05	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	0,05	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	UBND huyện Quyết định theo kế hoạch vốn
25	Nhà văn hoá + Hội trường UBND xã	Xã Tông Sánh	0,60					0,60	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	0,60	Vốn NN hỗ trợ + ND góp (NTM)	
26	Bố trí, sắp xếp dân cư biên giới thôn Séo Phìn Chư, xã A Lù	Xã A Lù	5,50	1,50				4	Vốn TW	4	Vốn TW	Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 26/04/2013 UBND tỉnh
27	Bố trí, sắp xếp dân cư ra khỏi vùng lõi Vườn Quốc gia Hoàng Liên gđ 2014-2020	xã Nậm Chạc; Trinh Trường; Cốc Mỹ	80,00	40				40	Vốn TW	40	Vốn TW	Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 13/8/2014
IV	Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai)	3 dự án	16,50					16,50		16,50		
1	Khu tái định cư cho dân ra khỏi vùng mở rộng, nâng công xuất Mỏ Đồng (thôn Nậm Chón 1 và 2)	Xã Cốc Mỹ	9,00					9,00	Vốn DN	9,00	Vốn DN	GCN đầu tư số 12 121 000 369 ngày 01/4/2013 của UBND tỉnh Lào Cai cấp cho Tổng công ty khoáng sản – ViNaomin

2	Khu tái định cư cho dân ra khỏi vùng mở rộng, nâng công suất mỏ Đồng (thôn Minh Trang và đoàn 5)	Xã Cốc Mỳ	4,00				4,00				Vốn DN	4,00	GCN đầu tư số 12 121 000 369 ngày 01/4/2013 của UBND tỉnh Lào Cai cấp cho Tổng công ty khoáng sản – ViNacom in
3	Khu tái định cư cho dân ra khỏi vùng mở rộng, nâng công suất mỏ Đồng (thôn San Bang)	Bản Vược	3,50				3,50				Vốn DN	3,50	GCN đầu tư số 12 121 000 369 ngày 01/4/2013 của UBND tỉnh Lào Cai cấp cho Tổng công ty khoáng sản – ViNacom in
V	Dự án khai thác KS được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai)	5 dự án	350,76	12,17			338,59						
1	Khai thác quặng Apatit Khai trường 18	Xã Cốc San	5,55				5,55				Vốn Doanh nghiệp	5,55	VB số 1031/UBND-CN ngày 31/3/2014 của UBND tỉnh
2	Khai thác quặng Apatit Khai trường 19	Xã Cốc San	38,08				38,08				Vốn Doanh nghiệp	38,08	VB số 1031/UBND-CN ngày 31/3/2014 của UBND tỉnh
3	Khai thác quặng Apatit Khai trường 23	Xã Quang Kim	30,83	1,67			29,16				Vốn Doanh nghiệp	29,16	VB số 1031/UBND-CN ngày 31/3/2014 của UBND tỉnh
4	Khai thác mỏ rỗng và nâng công suất của mỏ đồng Sín Quyền	Xã Bản Vược	184,00	9,00			175,00				Vốn Doanh nghiệp	175,00	Quyết định số 3493/QĐ-UBND ngày 03/12/2013 của UBND tỉnh
5	Thăm dò quặng Apatit khu vực Khai trường 25 xã Quang Kim và xã Bản Qua, huyện Bát Xát của Công ty cổ phần Bột giặt và hóa chất Đức Giang	xã Quang Kim và xã Bản Qua, huyện Bát Xát	92,30	1,50			90,80				Vốn Doanh nghiệp	90,80	Giấy phép thăm dò khoáng sản số 2505/GP-BTNMT ngày 6/11/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
	Tổng cộng	87 dự án	634,27	25,09	75,20		533,98						

**CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT THEO QUY ĐỊNH
TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI - HUYỆN MUÔNG KHƯƠNG NĂM 2015**

(Kèm theo Nghị quyết số: 35/2014/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

STT	Danh mục các công trình, dự án	Địa điểm	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
1	2	3	6	7	8	9	10	11	
I	Dự án XD trụ sở cơ quan nhà nước, TC chính trị, TC Chính trị XH; dự án di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	06 dự án	0,50				0,50		
1	Trường THCS xã Bản Lầu	Bản Lầu	0,10				0,10	Ngân sách + Vốn khác	
2	Trường tiểu học Chợ Châu - Trường chính	Lũng Vai	0,20				0,20	Ngân sách + Vốn khác	
3	Trạm Bảo vệ thực vật huyện Mường Khương	Thị trấn Mường Khương						Sự nghiệp KTTC	
4	Sửa chữa nhà làm việc liên ngành cửa khẩu Mường Khương	Thị trấn Mường Khương						Sự nghiệp kiến thiết thị chính	
5	Hội trường UBND xã Thanh Bình	Xã Thanh Bình	0,20				0,20	Ngân sách + Vốn khác	
6	Kè chống sạt lở dài truyền thanh truyền hình huyện Mường Khương	Thị trấn Mường Khương						Ngân sách + Vốn khác	
II	Dự án XD kết cấu hạ tầng KT của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	13 dự án	14,06	1,45	1,40		11,21		
1	Đường vào chợ Cao Sơn	Cao Sơn	2,00				2,00	Vốn ưu đãi + sự nghiệp giao thông	

2	Thủy lợi kết hợp thoát nước dọc đường Lùng suối Túng - Lùng Chéng Lùng xã Cao Sơn huyện Mường Khương	Cao Sơn	0,03	0,01			0,02	Ngân sách + Vốn khác	
3	Cấp nước sinh hoạt thôn Tả Lù, Máo Chóa Sù 1, Máo Chóa Sù 2, Sín Chải A xã Tả Ngải Chồ	Xã Tả Ngải Chồ						Sự nghiệp BVMT 2015-2016	
4	Thủy lợi thôn Cùi Chũ + Giáp Cư xã Lùng Vai, huyện Mường Khương	Xã Lùng Vai	0,10				0,10	Sự nghiệp nông nghiệp 2015-2016	
5	Thủy lợi tiêu thoát lũ suối sao dò Mường Khương	Thị trấn Mường Khương	0,60	0,20			0,40	Nghị quyết 30a	
6	Cầu Pao Pao Chải, xã Pha Long	Xã Pha Long	0,03				0,03	CT 120	
7	Bãi chôn lấp rác	Bản Xen	1,20				1,20	NTM	
8	Thực hiện giải đoạn I (2013-2015) của dự án cấp điện nông thôn tỉnh Lào Cai 2013-2020		6,45	1,16	1,29		4,00	Vốn NSĐP + Vốn khác	
9	Giảm cường độ phát thải lưới điện phân phối khu vực miền bắc – vay vốn ngân hàng tái thiết đưc kfw		0,14	0,04	0,05		0,05	Vay vốn ngân hàng tái thiết đưc kfw	
10	Mở rộng và cải tạo lưới điện cho các xã vùng sâu, vùng xa tại tỉnh Lào Cai, vay vốn ADB – Vốn dự cấu phần 1		0,16	0,04	0,06		0,06	vay vốn ADB – Vốn dự cấu phần 1	
11	Trạm quản lý vận hành và thu tiền điện xã Bản Lầu huyện M. Khương	Xã Bản Lầu huyện Mường Khương	0,05				0,05	vốn doanh nghiệp	
12	Bãi chôn lấp rác	Lùng Vai	1,30				1,30	NTM	
13	Đường Na Nhung Móc 112	Bản Lầu huyện Mường khương	2,00				2,00	Vốn quản lý biên giới đất liền	
III	Dự án XD dự án phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ cộng đồng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (Điểm c, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	19 dự án	44,92				44,92		
1	Nhà ở Bán trú cho học sinh THCS	Thanh Bình	0,31				0,31	Ngân sách + Vốn khác	
2	Nhà ở bán trú học sinh THCS Na Lóc	Bản Lầu	0,20				0,20	Ngân sách + Vốn khác	

3	Nhà bán trú học sinh trường TH	Cao Sơn	0,10					0,10	Ngân sách + Vốn khác
4	Nhà ở bán trú học sinh trường PTDTBT THCS xã	Cao Sơn	0,05					0,05	Ngân sách + Vốn khác
5	Nhà ở bán trú học sinh THCS	Tung Trung Phó	0,10					0,10	Ngân sách + Vốn khác
6	Nhà ở bán trú cho học sinh trường THCS	Tả Ngải Chồ	0,07					0,07	Ngân sách + Vốn khác
7	Nhà ở bán trú học sinh trường THCS xã	Dìn Chín	0,15					0,15	Ngân sách + Vốn khác
8	Nhà ở bán trú học sinh trường PTCS Lò Sừ Thành	Dìn Chín	0,07					0,07	Ngân sách + Vốn khác
9	Nhà ở bán trú học sinh trường PTCS Lò Sừ Thành	Dìn Chín	0,16					0,16	Ngân sách + Vốn khác
10	Nhà ở bán trú học sinh trường TH xã	Lùng Khẩu Nhìn	0,06					0,06	Ngân sách + Vốn khác
11	Nhà ở Bán trú học sinh trường THCS	Lùng Khẩu Nhìn	0,10					0,10	Ngân sách + Vốn khác
12	Nhà ở Bán trú học sinh trường PTDTBT THCS xã	La Pán Tản	0,10					0,10	Ngân sách + Vốn khác
13	Nhà ở Bán trú học sinh trường PTDTBT THCS xã	Tả Thành	0,05					0,05	Ngân sách + Vốn khác
14	Nhà ở bán trú cho học sinh trường THCS xã	Lùng Vai	0,20					0,20	Ngân sách + Vốn khác
15	Nhà ở bán trú học sinh TH xã Nậm Cháy	Nậm Cháy	0,10					0,10	Ngân sách + Vốn khác
16	Nghĩa trang nghĩa địa xã Lùng Vai	Lùng Vai	1,50					1,50	NTM
17	SVĐ xã Thanh Bình	Xã Thanh Bình	0,60					0,60	Vốn NTM
18	Sắp xếp dân cư biên giới thôn Choán Ván- Sả Hồ	thôn Choán Ván- Sả Hồ	11,00					11,00	
19	Sắp xếp dân cư ven hồ Thủy điện Bắc Hà thuộc địa bàn huyện Mường Khương	Xã Lùng Khẩu Nhìn; Dìn Chín; Tả Thành; Cao Sơn	30,00					30	Vốn TW

IV	Dự án XD khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	01 dự án	8,50					8,50		
1	Lối mở Na Lóc	Bản Lầu	8,50					8,50	Vốn TW	
V	Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản. (Điểm d, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	0 dự án								
	Tổng cộng	39 dự án	67,98	1,45	1,40			65,13		

**CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT THEO QUY ĐỊNH
TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI - HUYỆN SA PA NĂM 2015**

(Kèm theo Nghị quyết số: 35/2014/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

STT	Danh mục các công trình, dự án	Địa điểm	Tổng diện tích đất	Sử dụng từ các loại đất				Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
I	Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương; (Điểm a, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	17 dự án	33,10	0,06			33,04		
1	Trường MN Tả Giàng Phìn thôn Bán Pho, xã Tả Giàng Phìn (nhà lớp học)	Thôn Bán Pho, xã Tả Giàng Phìn	0,04				0,04	Vốn TPCP	
2	Trường MN Tả Giàng Phìn thôn Móng Xóa, xã Tả Giàng Phìn (Nhà công vụ)	Thôn Móng Xóa, xã Tả Giàng Phìn	0,02				0,02	Vốn TPCP	
3	Trường MN Bán Khoang thôn Kim Ngan A, xã Bán Khoang (nhà lớp học + nhà công vụ)	Thôn Kim Ngan A, xã Bán Khoang	0,30				0,30	Vốn NS tỉnh	
4	Trường MN Lao Chải - thôn Lý, xã Lao Chải (nhà lớp học)	Thôn Lý Lao Chải, xã Lao Chải	0,30				0,30	Vốn NS tỉnh	
5	Xây mới Trường MN Sừ Pán (nhà công vụ)	Thôn Hòa Sừ Pán, xã Sừ Pán	0,25				0,25	Vốn NS tỉnh	
6	Mở rộng Trường TH Tả Ván - thôn Dền Thàng	Thôn Dền Thàng, xã Tả Ván	0,02				0,02	Vốn thực hiện theo QĐ 293/QĐ-TTg	
7	Trường TH Thanh Kim thôn Léch Dao (đ1) (nhà lớp học + nhà công vụ)	Thôn Léch Dao, xã Thanh Kim	0,05				0,05	Vốn thực hiện theo QĐ 293/QĐ-TTg	Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 11/10/2013, về việc giao kế hoạch danh mục chuẩn bị đầu tư xây dựng nhà ở giáo viên tỉnh Lào Cai năm 2013

8	Xây mới Trường TH Thanh Kim - Bản Kim A	Thôn Bản Kim, xã Thanh Kim	0,02					0,02	Vốn NS tỉnh	
9	Trường TH Lao Chải - San 1 (nhà công vụ giáo viên)	Thôn San 1, xã Lao Chải	0,01					0,01	Vốn NS tỉnh	
10	Trường TH San Sả Hồ II - đội 9 (nhà công vụ giáo viên)	Xã San Sả Hồ	0,02					0,02	Vốn CT 135	
11	Trường TH Sa Pả II - Suối Hồ II (nhà lớp học)	Thôn Suối Hồ, xã Sa Pả	0,06					0,06	Vốn CT 135	
12	Trường TH Tả Phìn thôn Sả Sêng (đội 4) (nhà công vụ giáo viên)	Xã Tả Phìn	0,06	0,06					Vốn NS tỉnh	
13	Trường TH Tả Phìn thôn Giàng Tra (nhà công vụ giáo viên)	Xã Tả Phìn	0,05					0,05	Vốn NS tỉnh	
14	Trường TH Bản Khoang - Suối Thầu (nhà công vụ giáo viên)	Thôn Suối Thầu, xã Bản Khoang	0,05					0,05	Vốn NS tỉnh	
15	Trường PTCS Lê Văn Tám (nhà lớp học)	Thị trấn Sa Pa	0,10					0,10	Vốn NS tỉnh	
16	Công viên văn hóa Sa Pa	Thị trấn Sa Pa, xã San Sả Hồ	30,75					30,75	Vốn DN	
17	Nhà bán trú học sinh Trường THCS Sa Pả, xã Sa Pả, huyện Sa Pa	Thôn Giàng Tra, xã Sa Pả huyện Sa Pa	1,00					1,00	Sự nghiệp giáo dục 2014-2015	
II	Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải; (Điểm b, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	22 dự án	130,89	23,37	7,27	10,93	89,32			
1	Đường nối đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai - đến Sa Pa	Huyện Sa Pa	51,00	10,00	2,50			38,50	Vốn DN + NS	
2	Nâng cấp tỉnh lộ 152 đoạn từ Sa Pa đi Bản Dền	Xã Bản Hồ, xã Sừ Pán, xã Hả Thào, thị trấn Sa Pa	1,72	0,40				1,32	Vốn NS tỉnh	
3	Cầu treo thôn La Ve, Nậm Tóng	Thôn Nậm Tóng, xã Bản Hồ	0,10	0,05				0,05	Vốn thực hiện theo QĐ 293/QĐ-TTg	
4	Cầu treo thôn Sáo Trung Hồ xã Bản Hồ	Bản Hồ	0,03					0,03	Vốn CT 135	

5	Thủy lợi Sín Chải A - Nậm Cùm	Xã Thanh Phú	0,50	0,20			0,30	Vốn NS tỉnh
6	Thủy lợi Nậm Si 2	Xã Bản Phùng	0,10	0,01			0,09	Vốn CT 135
7	Thủy lợi đội 4 - Ý Linh Hồ 2	Xã San Sả Hồ	0,30	0,05			0,25	Vốn TPCP thực hiện xây dựng NTM
8	Thủy lợi Suối Hồ - Má Tra	Xã Sa Pả	0,10	0,10				Vốn TPCP thực hiện xây dựng NTM
9	Thủy lợi Giảng A Xã thôn Chu Lìn 1	Xã Trung Chải	0,20	0,20				Vốn CT 135
10	Thủy lợi Móng Xóa	Xã Tả Giàng Phình	0,20	0,20				Vốn DN
11	Thủy điện Nậm Cùn	Xã Thanh Phú	44,32	7,00			37,32	Vốn DN
12	Đường dây 35kV và hệ thống cấp thoát nước thuộc dự án Quản thể công trình du lịch văn hóa, dịch vụ cáp treo, vui chơi giải trí, khách sạn Fansipan SaPa	Xã San Sả Hồ	0,80			0,80		Vốn DN Công văn số 4373/UBND-CT ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh Lào Cai, về việc đồng ý hướng tuyến đường dây 35KV cấp điện cho dự án Quản thể du lịch VH, DV cáp treo, vui chơi giải trí, khách sạn Fansipan Sa Pa
13	Trạm biến áp trung gian	Thị trấn và xã San Sả Hồ	0,01				0,01	Vốn DN
14	Xây dựng trạm thu gom và xử lý nước thải	Xã Sa Pả	1,50		1,50			Vốn vay ODA
15	Thực hiện giai đoạn I (2013-2015) của dự án cấp điện nông thôn tỉnh Lào Cai 2013-2020		6,37	1,15	1,27	1,27	2,68	Vốn NSĐP + Vốn khác
16	Đường dây và trạm biến áp 110 kV Sa Pa	Tổ 11A, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa,	3,51		1,91		1,60	vốn doanh nghiệp
17	Giảm cường độ phát thải lưới điện phân phối khu vực miền bắc – vay vốn ngân hàng tái thiết đưc kfw		0,14	0,029	0,036		0,071	Vay vốn ngân hàng tái thiết đưc kfw
18	Mở rộng và cải tạo lưới điện cho các xã vùng sâu, vùng xa tại tỉnh Lào Cai, vay vốn ADB – Vốn dự cấu phần 1		0,15	0,035	0,056		0,057	vay vốn ADB – Vốn dự cấu phần 1
19	Chống quá tải, mở rộng diện cấp điện khu vực tổ 9, tổ 3B; tổ 11B thị trấn Sa Pa	Tổ 9; tổ 3B; Tổ 11B thị trấn Sa Pa	0,03				0,029	vốn doanh nghiệp

20	Ngầm hóa đường điện đô thị Sa Pa	Thị trấn Sa Pa	2,00					2,00	Vốn vay ODA	Văn bản số: 1093/TTg-QHQT ngày 30/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đồng ý tham dự Dự án Hạ tầng kỹ thuật vùng chuẩn bị dự án do ADB tài trợ; Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 26/4/2013 của UBND tỉnh Lào Cai về việc giao kế hoạch, danh mục CBĐT, thiết kế quy hoạch đợt 3 năm 2013; Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 04/10/2013 của UBND tỉnh Lào Cai về việc Phê duyệt Đề cương chi tiết,
21	Tuyến số 1 (đường tránh phía Bắc): UBND xã Sa Pa - Tổ 11 TT Sa Pa, 8.5 km	Xã Sa Pa, thị trấn Sa Pa huyện Sa Pa	17,720	3,940	8,860			4,92	Vốn vay ODA	
22	Thủy lợi Suối Thầu Móng xã Suối Thầu, huyện Sa Pa	Xã Suối Thầu huyện Sa Pa	0,100	0,010				0,09	Nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi 2014-2015	
III	Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ cộng đồng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng; (Điểm c, khoản 3 Điều 62 Luật ĐĐ)	4 dự án	33,18	6,44	0,50			26,24		
1	Điểm sắp xếp dân cư ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, sạt lở đất thôn Móng Sến 1-2, xã Trung Chải	Thôn Móng Sến 1-2 xã Trung Chải	4,80					4,80	Vốn TW (qđ 1776/QĐ-TTg)	
2	Bố trí, sắp xếp dân cư ra khỏi vùng lõi Vườn Quốc gia Hoàng Liên gđ 2014-2020	Thôn Sáo Mý Tỷ xã Tả Van	13,00		0,50			12,50	Vốn TW (qđ 1776/QĐ-TTg)	QĐ số 2256/QĐ-UBND ngày 15/8/2014
3	Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia tại Sa Pa	Xã Sa Pa	15,00	6,44				8,56	Vốn NS TW	0,00